

Kinh tế vĩ mô tháng 5 năm 2023: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Các nền kinh tế đầu tàu chưa có được các tín hiệu tích cực từ khu vực sản xuất, đáng chú ý là xu hướng thu hẹp của Trung Quốc và EU;
- Giá cả hàng hóa thế giới giảm trở lại trên tất cả các nhóm hàng, cụ thể giá bình quân nhóm hàng năng lượng, phi năng lượng và kim loại quý lần lượt giảm 11,27%, 3,61% và 0,76%;
- Trên thị trường ngoại hối, đồng USD và giá vàng có diễn biến đảo chiều. So với tháng trước, chỉ số USD index giao ngay tăng 2,62%, trong khi giá vàng giao ngay đã giảm 1,37%; Nhiều đồng tiền mạnh đã giảm giá so với đồng USD;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu giảm điểm, chỉ số MSCI ACWI đạt 646,38 điểm, giảm 1,32% so với tháng trước.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Sản xuất công nghiệp đã có kết quả tốt hơn so với tháng trước. Tuy nhiên điều kiện hoạt động sản xuất tiếp tục bị thu hẹp trong bối cảnh nhu cầu suy giảm, chỉ số PMI của ngành sản xuất giảm xuống mức 45,3 điểm;
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN đạt 45,1 nghìn tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước; Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt 10,86 tỷ USD, giảm 7,3% so với cùng kỳ năm trước;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục tăng so với tháng trước, đạt 519 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước;
- Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng trở lại so với tháng trước, với mức tăng lần lượt là 4,3% và 6,4%; Cán cân thương mại ước tính xuất siêu 2,24 tỷ USD trong tháng 5;
- Chỉ số giá tiêu dùng tăng nhẹ 0,01% so với tháng trước, CPI bình quân tăng 3,55% so với cùng kỳ năm trước;
- Lãi suất huy động bình quân tiếp tục giảm trong toàn hệ thống; Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn đã giảm so với tháng trước;
- Tỷ giá có xu hướng tăng khi đồng USD mạnh lên; Giá vàng trong nước tiếp tục giảm theo giá vàng thế giới;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam hồi phục. Kết thúc tháng 5, chỉ số VN-Index đạt 1.075,17 điểm, tăng 2,48% so với tháng trước.

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

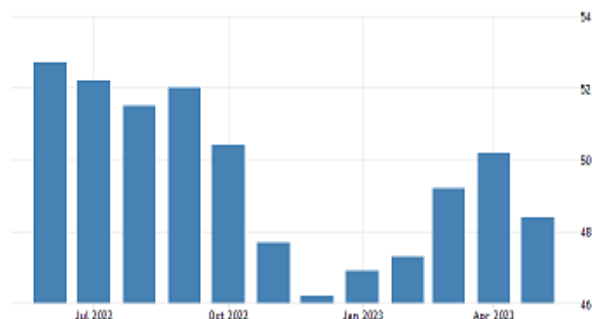
Kinh tế Mỹ vẫn có được động lực từ khu vực dịch vụ

Trong tháng 5, kinh tế Mỹ về cơ bản tiếp tục được đánh giá là đang lấy lại động lực tăng trưởng khi chỉ số sản xuất kinh doanh tổng hợp đạt 54,5 điểm – mức cao nhất trong hơn một năm qua, ghi nhận đà mở rộng kéo dài trong 04 tháng liên tiếp. Vai trò dẫn dắt vẫn thuộc về lĩnh vực dịch vụ, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã tăng 1,3 điểm so với tháng trước, đạt 54,9 điểm. Sản lượng và đơn hàng mới đều tăng mạnh, ghi nhận đối với cả khách hàng cũ và mới, đáng chú ý đơn hàng xuất khẩu đã có tháng tăng đầu tiên kể từ đầu năm. Trong khi đó, nền kinh tế lại đón nhận diễn biến thu hẹp từ khu vực sản xuất, chỉ số PMI đã giảm gần 2 điểm sau khi vượt ngưỡng mở rộng vào tháng trước, đạt 48,4 điểm – thấp hơn kỳ vọng của thị trường. Trong tháng 5, cả sản lượng, đơn hàng và hàng tồn kho đều giảm trở lại, áp lực giá tiếp tục giảm bớt. Mặc dù vậy, niềm tin kinh doanh trong toàn bộ nền kinh tế tiếp tục được cải thiện.

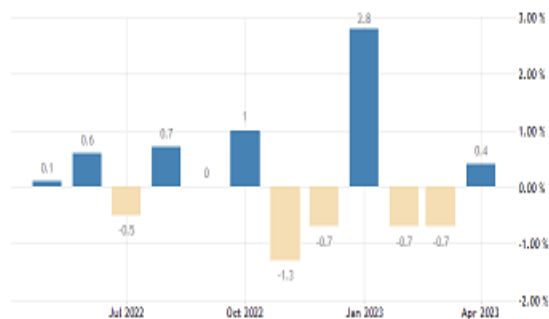
Trong lĩnh vực tiêu dùng, doanh số bán lẻ theo số liệu mới nhất đã tăng trở lại, tuy nhiên các áp lực chi phí gia tăng tiếp tục cản trở niềm tin người tiêu dùng trong nền kinh tế, chỉ số đo lường tiêu chí này đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 06 tháng, giảm từ 63,5 điểm của tháng trước xuống còn 59,2 điểm, người tiêu dùng tiếp tục bị ảnh hưởng trong bối cảnh lạm phát cao hơn so với mục tiêu đặt ra.

Trên thị trường lao động, tỷ lệ thất nghiệp đã tăng 0,3 điểm phần trăm so với tháng trước, đạt 3,7% - cao hơn kỳ vọng của thị trường.

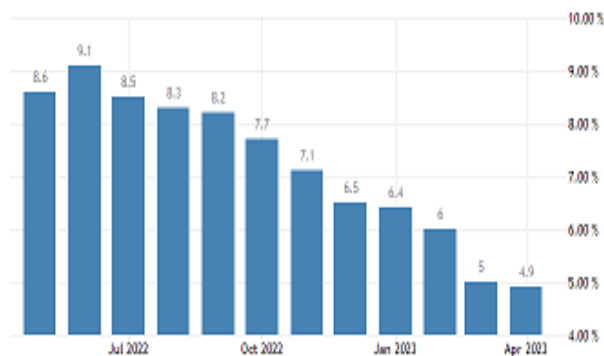
Chỉ số PMI sản xuất



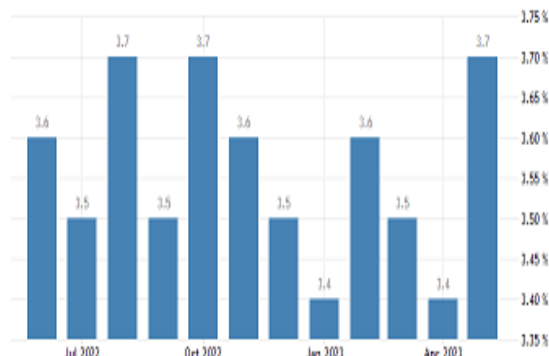
Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economicsics

Kinh tế khu vực EU tiếp tục có diễn biến thu hẹp

Trong bối cảnh nhu cầu suy giảm, kinh tế khu vực Châu Âu tiếp tục ghi nhận những kết quả thiếu tích cực hơn so với tháng trước. Trong đó, hoạt động trong khu vực sản xuất tiếp tục trầm lắng, chỉ số PMI đã giảm về mức thấp nhất trong vòng 03 năm từ

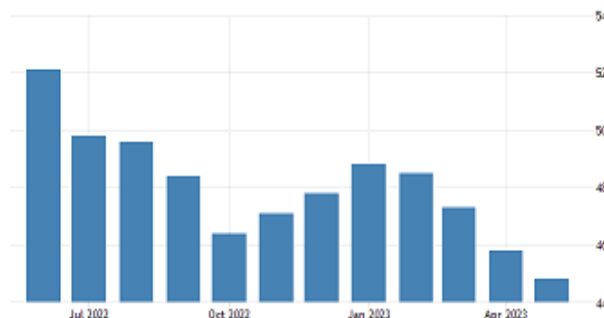
**kéo dài
trong lĩnh
vực sản xuất**

mức 45,8 điểm xuống 44,8 điểm trong tháng này. Theo đó, cả sản lượng, đơn hàng mới và sản lượng tồn đọng đều giảm với mức độ mạnh nhất. Diễn biến suy giảm trong khu vực sản xuất xuất hiện rõ nét tại các nền kinh tế lớn trong khu vực như Đức, Ý, trong đó kinh tế Đức đã chính thức suy thoái về mặt kỹ thuật.

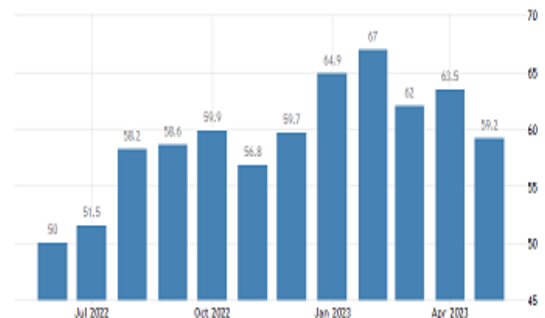
Bên cạnh đó, khu vực dịch vụ mặc dù vẫn ghi nhận sự cải thiện nhưng tốc độ đã chậm hơn so với tháng trước, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã giảm hơn 1 điểm, đạt 55,1 điểm – tháng giảm đầu tiên sau chuỗi tăng kéo dài trong 07 tháng. Tuy nhiên diễn biến trong khu vực dịch vụ đã phù hợp với kỳ vọng của thị trường, đơn đặt hàng mới đã có được 05 tháng tăng liên tiếp, đơn hàng tồn đọng tiếp tục tăng cao. Mặc dù vậy, niềm tin kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ đều có sự điều chỉnh giảm nhẹ so với tháng trước. Niềm tin người tiêu dùng tiếp tục cải thiện nhẹ từ mức -17,5 điểm của tháng trước lên -17,4 điểm nhưng tốc độ diễn ra còn chậm chạp kể từ tháng 9 năm ngoái.

Tỷ lệ lạm phát hàng năm của khu vực Châu Âu đã giảm đáng kể trong tháng 5 xuống 6,1% từ mức 7%. Diễn biến giảm của lạm phát trong tháng đã thấp hơn cả kỳ vọng của thị trường ở mức 6,3%. Mặc dù vẫn cách xa mục tiêu mà NHTW khu vực đặt ra nhưng lạm phát đang có diễn biến tích cực nhờ vào xu hướng giảm của giá nhóm hàng năng lượng và thực phẩm, đồ uống trong.

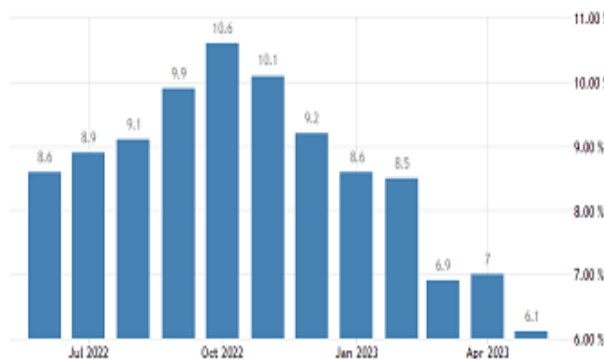
Chỉ số PMI sản xuất



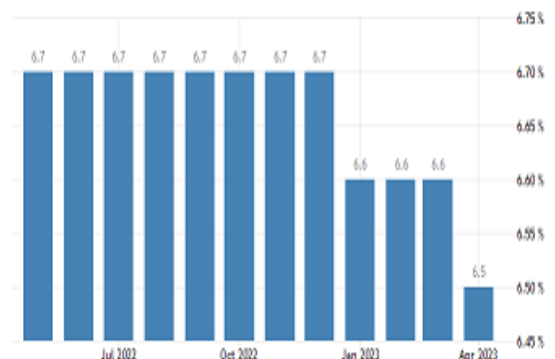
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economics

**Kinh tế
Nhật Bản
tiếp tục diễn
biến tốt**

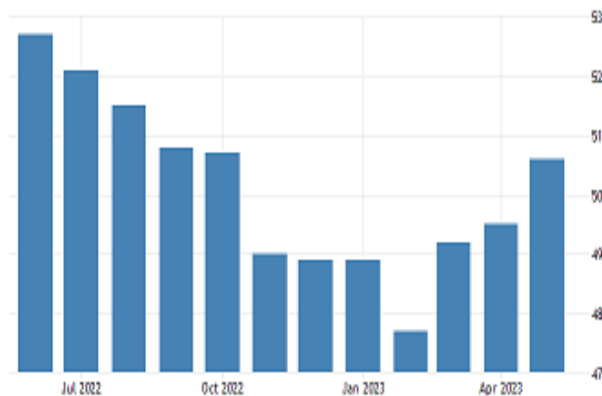
Kinh tế Nhật Bản tiếp tục đón nhận các kết quả kinh tế tốt hơn so với tháng trước trong bối cảnh nhu cầu còn yếu trên diện rộng. Trong đó, đáng chú ý là diễn biến phục hồi của khu vực sản xuất sau nhiều tháng thu hẹp kéo dài, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã tăng từ 49,5 điểm của tháng trước lên mức 50,6 điểm trong tháng này, ghi nhận các xu hướng tích cực của sản lượng, đơn hàng, việc làm. Bên cạnh đó, lĩnh vực dịch vụ vẫn có được đà mở rộng trong 9 tháng liên tiếp, chỉ số PMI đạt 55,9 điểm, tăng 0,5 điểm so với tháng 4, nhu cầu mới tiếp tục tăng, các hoạt động

kinh doanh chính tiếp tục được mở rộng. Niềm tin kinh doanh đã được củng cố lại sau điều chỉnh nhẹ trong tháng trước. Chỉ số niềm tin của người tiêu dùng cũng đã đạt mức cao nhất kể từ tháng 1/2022, đạt 36 điểm trong tháng 5 từ mức 35,4 điểm của tháng trước, ghi nhận các diễn biến tốt hơn trong khu vực hộ gia đình.

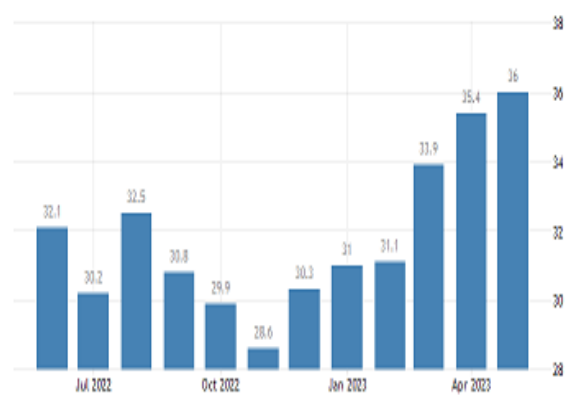
Cán cân thương mại của Nhật Bản tiếp tục thâm hụt nhưng theo số liệu mới nhất đã giảm khoảng 50% so với cùng thời điểm của năm trước. Trong đó, nhập khẩu đã giảm lần đầu tiên sau 27 tháng, giảm 2,3% xuống khoảng 8.720 tỷ JPY nhờ giá dầu thô và khí đốt tự nhiên hóa lỏng giảm. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng 2,6% đạt khoảng 8.290 tỷ JPY, ghi nhận lượng ô tô xuất khẩu sang Mỹ đạt kỷ lục.

Lạm phát tại Nhật tiếp tục tăng, hiện ở mức 3,5%. Bên cạnh đó, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm xuống 2,6% - thấp hơn dự báo của thị trường là 2,7%.

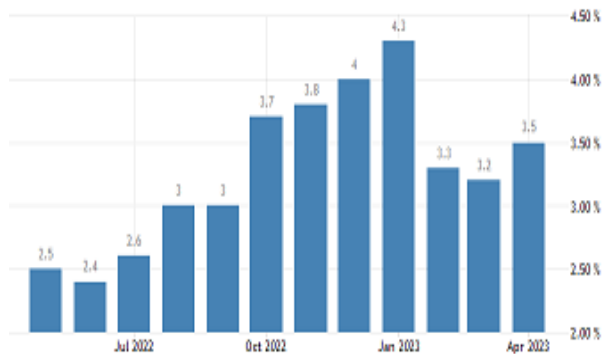
Chỉ số PMI sản xuất



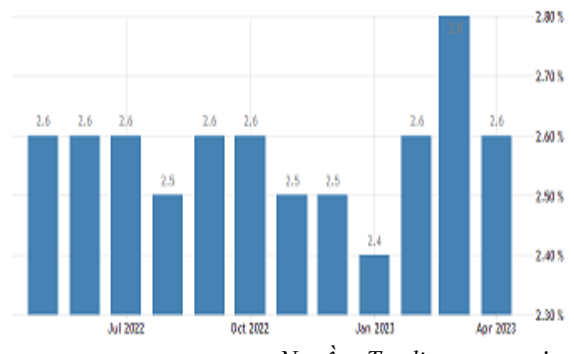
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



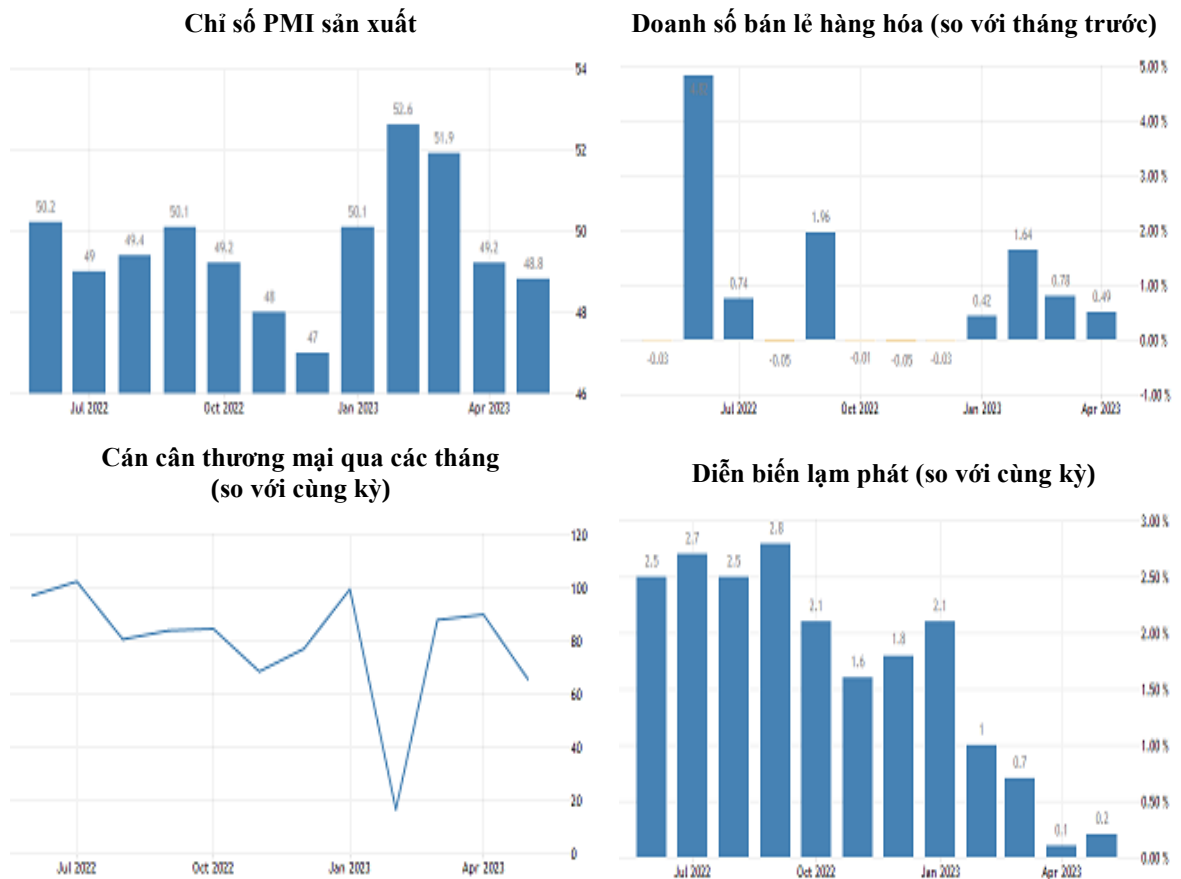
Nguồn: Trading economics

Kinh tế Trung Quốc tiếp tục có xu hướng thu hẹp trong khu vực sản xuất

Diễn biến của khu vực sản xuất và phi sản xuất tại Trung Quốc theo số liệu Tổng cục thống kê công bố đều có xu hướng xấu đi so với tháng trước. Theo đó, các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất đã có tháng thứ 2 thu hẹp liên tiếp, thậm chí chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã giảm so với tháng 4, giảm xuống 48,8 điểm từ mức 49,2 điểm – mức thấp nhất trong vòng 5 tháng qua. Khu vực sản xuất cũng ghi nhận tháng giảm đầu tiên của sản lượng trong vòng 4 tháng, đơn đặt hàng mới trong và ngoài nước có tín hiệu giảm nhanh hơn. Trong khi đó, tốc độ mở rộng trong lĩnh vực phi sản xuất cũng đã giảm tốc, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đạt 54,5 điểm, giảm gần 2 điểm so với tháng trước, đáng chú ý là diễn biến thu hẹp đã xuất hiện trên tất cả các cấu phần chính.

Chỉ số giá tiêu dùng đã tăng lên 0,2% trong tháng 5 - thấp hơn ước tính của thị trường là 0,3%.

Trong bối cảnh nhu cầu suy yếu kéo dài, hoạt động xuất khẩu của Trung Quốc đã giảm lần đầu tiên trong vòng 03 tháng, giảm 7,5% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, nhập khẩu cũng giảm 4,5% so với cùng kỳ. Vì thế thặng dư thương mại của Trung Quốc cũng giảm xuống mức 65,81 tỷ USD từ mức 90,21 tỷ USD của tháng trước.



Nguồn: Trading economics

Giá cả hàng hóa thế giới đã giảm trở lại trên tất cả các nhóm hàng

Trong tháng 5, giá cả hàng hóa trên toàn cầu đã giảm trở lại trong bối cảnh nhu cầu suy yếu diễn ra trên diện rộng, xu hướng giảm xuất hiện trên tất cả các nhóm hàng chính so với tháng trước. Chỉ số giá cả tổng hợp bình quân đã giảm hơn 8% với đóng góp chủ yếu từ diễn biến giảm của nhóm hàng năng lượng, cụ thể như sau:

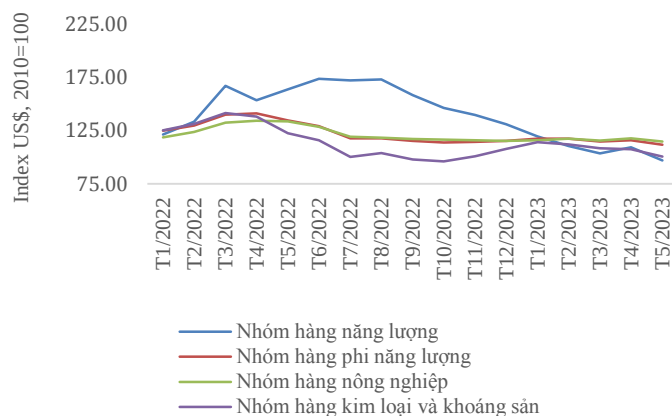
+ Chỉ số giá bình quân nhóm hàng năng lượng đã giảm 11,27%, ghi nhận diễn biến giảm trên tất cả các nhóm hàng. Giảm mạnh nhất là mức giá bình quân của nhóm hàng khí đốt tự nhiên hóa lỏng tại thị trường Châu Âu với mức giảm là 25,2%, tiếp đến là mức giảm giao động từ 17% – 23% của nhóm hàng than trên các thị trường giao dịch. Trong khi đó, giá dầu giao dịch bình quân đã giảm hơn 10%, cụ thể dầu Brent và dầu WTI giao ngay và kỳ hạn đã giảm lần lượt là 9,52% và 8,65%; 11% và 11,32%. Kết thúc tháng 5, giá dầu WTI và dầu Brent giao ngay là 72,31 USD/thùng và 67,75 USD/thùng.

+ Chỉ số giá bình quân của nhóm hàng phi năng lượng đã giảm 3,61%, diễn biến giảm xuất hiện trên tất cả các nhóm hàng nông nghiệp, phân bón, kim loại và khoáng với mức giảm lần lượt là 2,48%; 2,25% và 6,39%. Trong nhóm hàng nông nghiệp, diễn biến giảm mạnh nhất xuất hiện trong nhóm hàng thực phẩm, đáng chú ý là tốc độ giảm giá bình quân của nhóm hàng dầu ăn, giao động trong khoảng 2,45% – 7%. Tiếp đến là mức giảm của giá ngô và bột mì, giao động từ 2,76% – 7,89%. Bên cạnh đó, giá của nhóm hàng kim loại cơ bản tiếp tục giảm, giá giao dịch

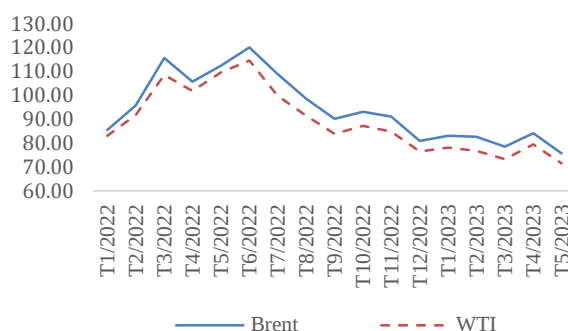
binh quân của đồng, sắt, kẽm, nhôm giảm giao động từ 3% – 10,55%.

+ Trong nhóm hàng kim loại quý, chỉ số giá bình quân chung đã giảm nhẹ 0,76% và diễn biến giảm cũng đã xuất hiện trên cả 03 nhóm hàng chính. Cụ thể, giá bình quân của bạc và platinum đã giảm lần lượt là 2,97% và 1,14%, trong khi giá bình quân của vàng giảm nhẹ 0,38%.

Diễn biến chỉ số giá hàng hóa bình quân một số nhóm hàng



Diễn biến giá dầu bình quân



Nguồn: worldbank.org

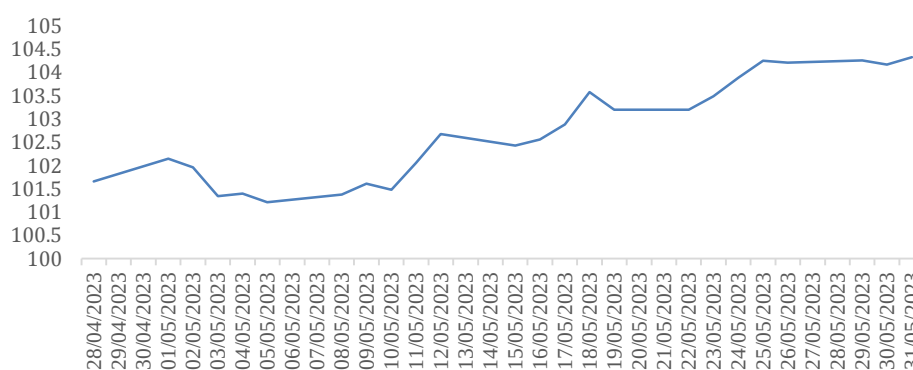
2. Diễn biến thị trường ngoại hối

Đồng USD đã chấm dứt đà giảm trong 2 tháng liên tiếp

Trong tháng 5, đồng USD giao dịch trên thị trường đã tăng trở lại so với các đồng tiền mạnh khác sau 02 tháng giảm liên tục, tăng 2,62% - là mức tăng cao thứ hai kể từ đầu năm. Diễn biến tăng chiếm ưu thế với mức biến động theo ngày giao dịch từ 0,06% – 0,68%, xác lập 02 mức giá cao mới trong khoảng 10 ngày giao dịch cuối tháng. Đồng bạc xanh đã có được 02 chuỗi tăng liên tục kéo dài trong 03 ngày từ ngày 16 – 25/5 với tổng mức tăng là 1,77%. Diễn biến tăng của đồng USD trong tháng chủ yếu được hỗ trợ bởi nhu cầu đầu tư an toàn khi nước Mỹ tiếp tục phải đàm phán gia hạn trần nợ công; khả năng phục hồi của nền kinh tế thông qua các tín hiệu kinh tế khả quan và kỳ vọng về việc điều chỉnh lãi suất của Fed trong thời gian tới. Mặc dù vậy, diễn biến giảm vẫn xuất hiện trong tháng khi các tín hiệu cải thiện trên thị trường lao động còn hạn chế và thị trường đón nhận thêm đợt tăng lãi suất 0,25 điểm phần trăm của Fed vào đầu tháng.

Kết thúc tháng 5, chỉ số USD index giao ngay và kỳ hạn chốt giao dịch ở mức 104.33 và 104.245.

Diễn biến chỉ số USD Index



Nguồn: investing.com

**Đồng EUR
và đồng
GBP đã
giảm trở lại**

Trong tháng 5, hai đồng tiền mạnh của khu vực Châu Âu là đồng GBP và đồng EUR đều đã giảm trở lại so với đồng USD – có xu hướng trái với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, đồng EUR đã có mức giảm mạnh, giảm 3% so với đồng bạc xanh. Đồng thời, đây cũng là tháng giảm mạnh nhất kể từ đầu năm. Trong tháng, đồng EUR có diễn biến giảm là chủ yếu, ghi nhận 02 chuỗi giảm liên tiếp kéo dài từ 3 – 4 ngày giao dịch từ ngày 16 – 25/5 với tổng mức giảm là 1,4% - diễn biến này ngược chiều với đồng USD giao dịch trên thị trường cùng thời điểm. Đồng EUR có biến động giảm giao động từ 0,1% – 0,65%/ngày giao dịch, mức giá giao dịch cao của tháng trước đã bị phá vỡ sau mức giảm của ngày 8/5. Diễn biến thiếu tích cực của đồng EUR chịu tác động mạnh từ diễn biến của đồng USD trên thị trường, các kết quả kinh tế còn yếu, đặc biệt là sự suy giảm trong khu vực sản xuất tại các nền kinh tế đầu tàu như Đức, Pháp. Tuy nhiên, quyết định tăng lãi suất điều hành trong tháng của ECB đã hỗ trợ nhất định cho đồng EUR trong một số ngày giao dịch vào đầu tháng.

Bên cạnh đó, đồng GBP cũng có diễn biến tương tự nhưng ghi nhận mức giảm thấp hơn, ở mức 1,07%. Diễn biến của đồng GBP mặc dù kết thúc đã giảm so với tháng trước nhưng vẫn có nhiều ngày giao dịch tăng điểm kéo dài từ ngày 03 – 10/5 và từ ngày 26 – 31/5 với tổng mức tăng hơn 2%. Diễn biến tăng của đồng bảng Anh vào cuối tháng được hỗ trợ mạnh từ các dự báo về triển vọng tăng trưởng của Anh sẽ không quá tệ trong năm nay và kỳ vọng về việc tiếp tục tăng lãi suất điều hành của BOE trong tháng tới. Tuy nhiên diễn biến giảm của đồng GBP bên cạnh những ảnh hưởng nhất định từ đồng USD cũng bị tác động đáng kể từ các diễn biến kinh tế chưa được như kỳ vọng, đáng chú ý là lạm phát và giá thực phẩm gia tăng.

Kết thúc tháng 5, cặp tỷ giá GBP/USD chốt giao dịch ở mức 1.2437 và cặp tỷ giá EUR/USD chốt giao dịch ở mức 1.0688.

Bên cạnh đó, 02 đồng tiền mạnh khác là đồng AUD và đồng CAD đều có diễn biến giảm so với đồng USD. Trong đó, đồng AUD đã giảm 1,62% mặc dù đã có chuỗi tăng liên tục trong 08 ngày giao dịch đầu tháng khi thị trường đón nhận tín hiệu tăng lãi suất điều hành từ NHTW. Diễn biến giảm diễn ra đan xen trong những tuần giao dịch tiếp theo và kéo dài cho đến cuối tháng. Đồng AUD tiếp tục chịu tác động từ diễn biến lạm phát trong nước và tình trạng xấu đi của cán cân thương mại khi nhu cầu từ Trung Quốc chưa thể phục hồi, giá các mặt hàng xuất khẩu chính như sắt, than đang giảm liên tục. Trong khi đó, đồng CAD đã giảm nhẹ hơn so với đồng AUD, giảm 0,16% so với đồng USD. Diễn biến chịu tác động mạnh từ đồng USD và các tín hiệu kinh tế nội tại, trong đó nổi bật là vấn đề tăng lương, tốc độ cải thiện của thị trường lao động và kỳ vọng tăng trưởng vững chắc. Kết thúc tháng 5, cặp tỷ giá AUD/USD chốt giao dịch ở mức 0.65 và cặp tỷ giá USD/CAD chốt giao dịch ở mức 1.3572.

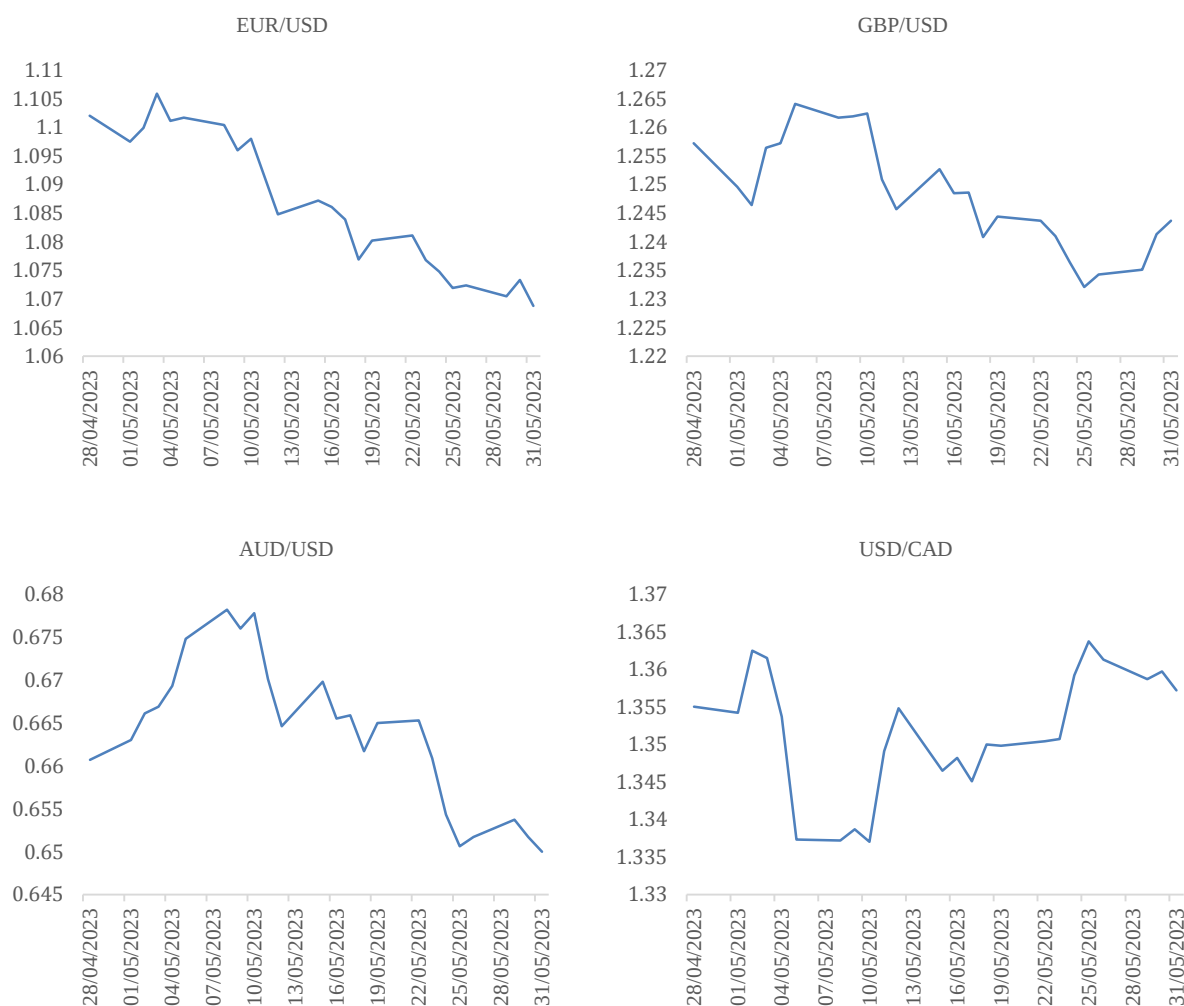
**Đồng JPY
và đồng
CNY cùng
giảm mạnh**

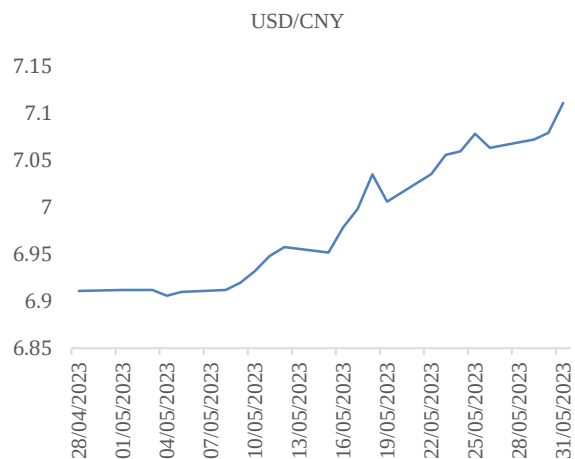
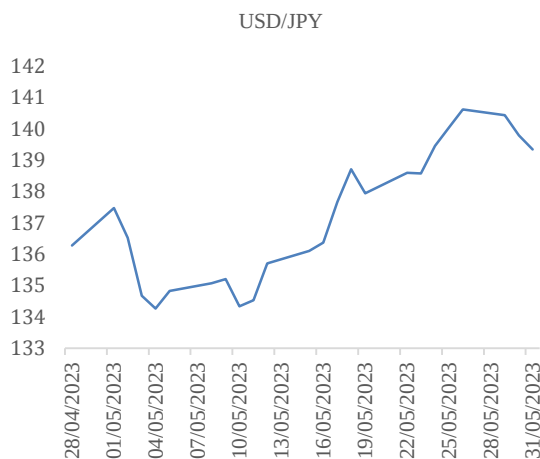
Diễn biến của 02 đồng tiền mạnh tại khu vực Châu Á là đồng JPY và đồng CNY đã có tháng giảm mạnh so với đồng USD trên thị trường giao dịch. Đồng thời, cũng ghi nhận tháng giảm thứ hai liên tiếp của đồng CNY và đồng JPY. Trong đó, đồng JPY có được 02 chuỗi tăng vào 03 ngày giao dịch đầu và cuối tháng. Trong chuỗi tăng đầu tháng, đồng JPY đã tăng 2,35% so với đồng USD khi nhu cầu đầu tư tài sản an toàn gia tăng trước những dự báo bất ổn trong khu vực ngân hàng cũng như diễn biến suy yếu của kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên với sức mạnh của

đồng bạc xanh trên thị trường quốc tế, đồng JPY đã có chuỗi giảm liên tiếp kể từ ngày 05 – 26/5 với tổng mức giảm khoảng 4,7%. Thêm vào đó, lập trường điều hành CSTT siêu nới lỏng trong bối cảnh lạm phát đang gia tăng nhanh, chênh lệch lợi suất với nước Mỹ tiếp tục gia tăng cũng đã ảnh hưởng mạnh đến diễn biến giảm của đồng JPY. Tính đến cuối tháng 5, đồng JPY đã giảm 2,25% so với đồng USD, cặp tỷ giá USD/JPY giao dịch ở mức 139.34.

Trong khi đó, đồng CNY có xu hướng giảm là chủ yếu, diễn biến tăng chỉ xuất hiện trong 04 ngày giao dịch, đồng CNY giảm 2,89% so với đồng USD - mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 11 năm ngoái. Đồng CNY có diễn biến giảm giao động trong khoảng 0,02% – 0,53%, chạm ngưỡng giá thấp nhất vào ngày 18/5, giao dịch trên 7.0 và được duy trì cho đến cuối tháng. Đồng CNY mất giá trước đà phục hồi kinh tế chậm chạp, thậm chí đang có chiều hướng xấu đi trong 02 tháng liên tiếp, đồng thời, căng thẳng Mỹ - Trung leo thang và sức mạnh của đồng bạc xanh cũng đã ảnh hưởng tiêu cực đến diễn biến của đồng CNY. Kết thúc tháng 5, cặp tỷ giá USD/CNY giao dịch ở mức 7.1109.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh





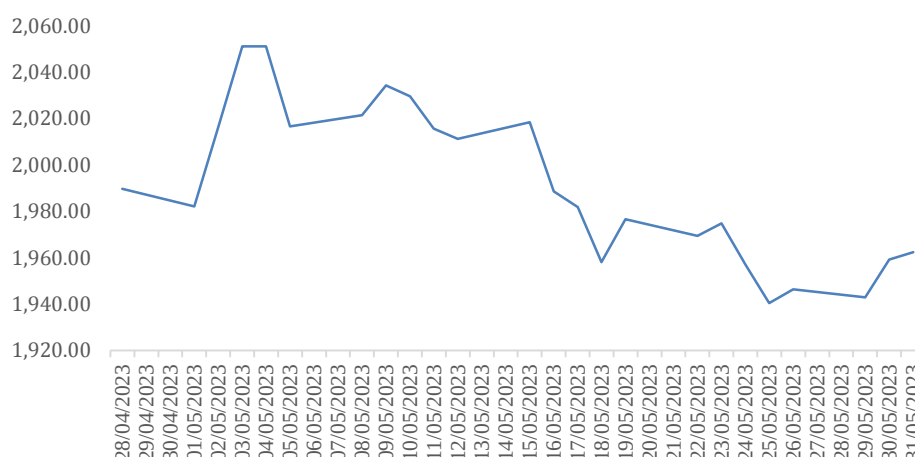
Nguồn: investing.com

Diễn biến thị trường vàng

Giá vàng đã giảm trở lại sau 2 tháng tăng giá

Tháng 5 đã ghi nhận diễn biến đảo chiều nhanh chóng của giá vàng sau 02 tháng tăng liên tiếp. Trong những ngày giao dịch đầu tháng, giá vàng đã duy trì được 02 ngày tăng mạnh với tổng mức tăng xấp xỉ 3,5% khi nhu cầu đầu tư tài sản an toàn tăng trước những dự báo không mấy lạc quan về tăng trưởng kinh tế trên toàn cầu. Đồng thời, mức giá giao dịch cao trên 2.000 USD/ounce cũng đã được thiết lập và duy trì cho đến giữa tháng. Tuy nhiên, diễn biến giảm đã xuất hiện từ ngày 5/5 và kéo dài cho đến ngày 29/5 với tổng mức giảm lên đến 5%. Các tín hiệu kinh tế tốt hơn của Mỹ, sức bật của đồng USD, xu hướng tích cực trong việc đàm phán gia hạn trần nợ công của Mỹ đã tác động kìm lại đà tăng của giá vàng. Bên cạnh đó, kỳ vọng thay đổi liên tục về việc điều chỉnh lãi suất của Mỹ cũng đặt áp lực lên diễn biến của giá vàng. Kết thúc tháng 5, giá vàng giao ngay và kỳ hạn đã giảm lần lượt là 1,37% và 0,85%, chốt giao dịch ở mức 1.962,3 USD/ounce và 1.982,1 USD/ounce.

Diễn biến giá vàng thế giới



Nguồn: investing.com

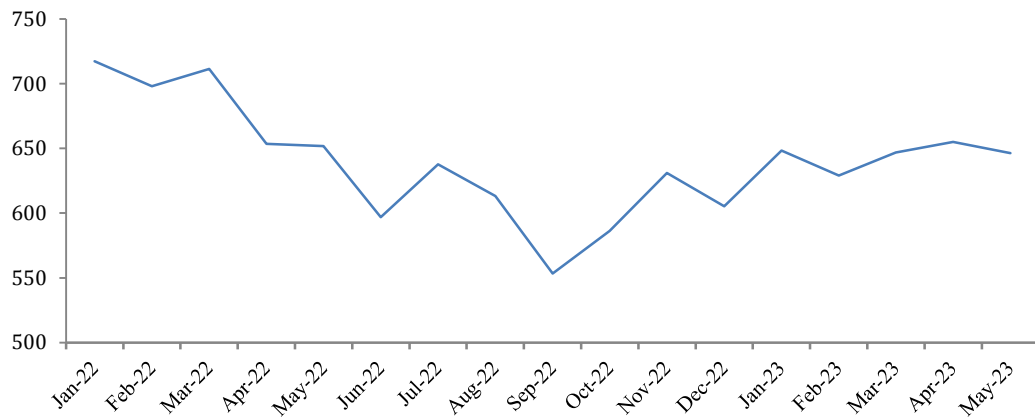
Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường

Thị trường chứng khoán trên toàn cầu nhìn chung đã có diễn biến yếu đi trong tháng 5, chỉ số MSCI ACWI giảm nhẹ 1,32% xuống 646,38 điểm vào cuối tháng. Các thị

trường chứng khoán lớn trên thế giới đã chứng kiến diễn biến trái chiều của nhiều chỉ số chủ chốt.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI giai đoạn 1/2022 – 5/2023



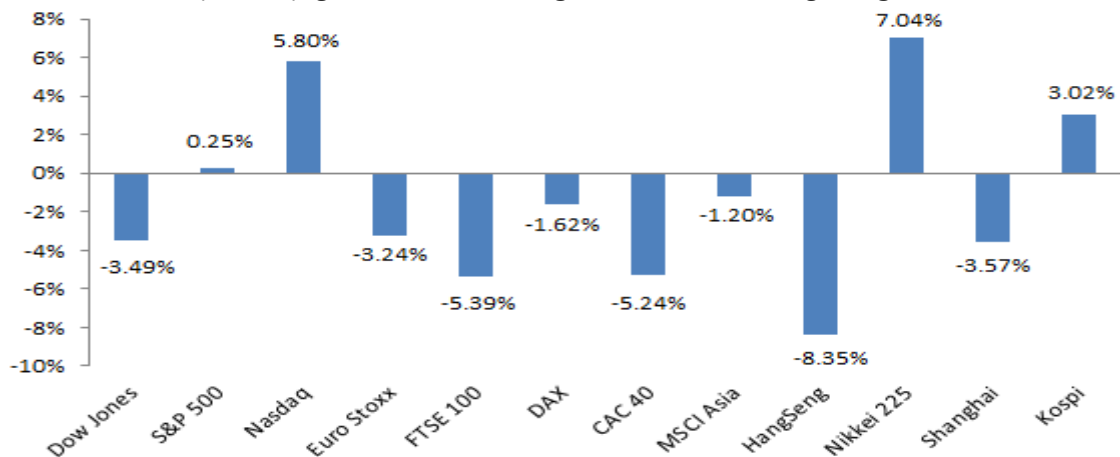
Nguồn: msci.com

Kết thúc tháng 5, trên thị trường chứng khoán Mỹ, chỉ số S&P 500 tăng nhẹ 0,25%, chỉ số công nghệ Nasdaq Composite tăng 5,8% chủ yếu nhờ kỳ vọng về tiềm năng tương lai của Trí tuệ nhân tạo (AI). Ở chiều ngược lại, chỉ số Dow Jones giảm 3,49% do những lo lắng của nhà đầu tư về nguy cơ vỡ nợ của Mỹ.

Thị trường chứng khoán Châu Âu đã có tháng giảm đầu tiên kể từ đầu năm, thị trường bị ảnh hưởng mạnh bởi diễn biến kinh tế thiếu tích cực của các nền kinh tế lớn trong khu vực. Kết thúc tháng 5, chỉ số Euro Stoxx chốt tháng giảm 3,24%, chỉ số CAC 40 của Pháp giảm 5,24%, chỉ số DAX của Đức giảm 1,62% và chỉ số FSTE 100 của Anh giảm 5,39%.

Thị trường chứng khoán Châu Á tiếp tục có diễn biến giảm, chỉ số MSCI Châu Á – Thái Bình Dương kết thúc tháng 5 giảm 1,2% so với tháng trước. Đáng chú ý là chỉ số HangSeng của Hồng Kông giảm mạnh 8,35%, chỉ số Shanghai của Trung Quốc giảm 3,57%. Trong khi đó, chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản tăng mạnh 7,04%, đánh dấu chuỗi tăng thứ 5 liên tiếp từ đầu năm đến nay. Chỉ số Kospi của Hàn Quốc và chỉ số FTSE Taiwan của Đài Loan cũng đạt được mức tăng tốt, lần lượt là 3,02% và 7,28% nhờ lực đẩy mạnh mẽ của nhóm cổ phiếu công nghệ.

Mức độ biến động của các chỉ số chứng khoán chủ chốt trong tháng 5 năm 2023



Nguồn: Bloomberg

KINH TẾ TRONG NƯỚC

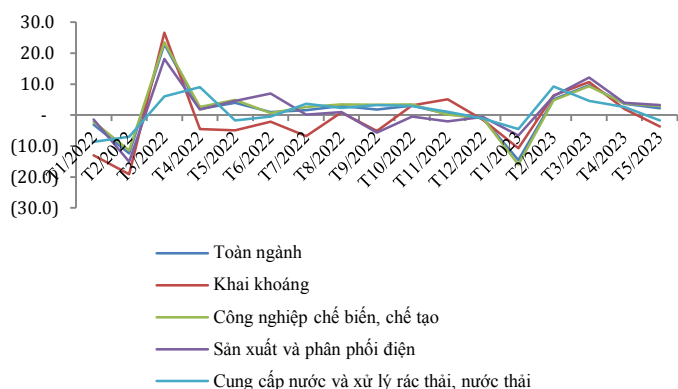
1. Tăng trưởng kinh tế

Sản xuất công nghiệp đã có kết quả tốt hơn so với tháng trước

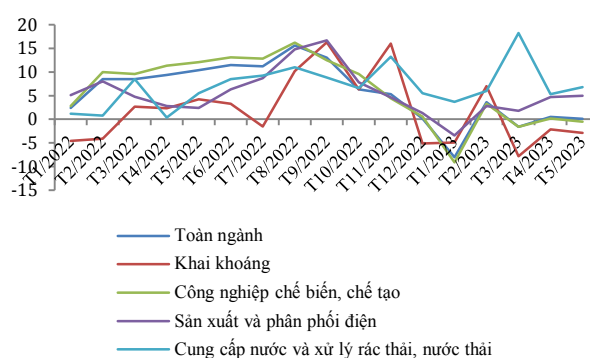
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp - IIP trong tháng 5/2023 ước tính tăng 2,2% so với tháng trước. Trong đó, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,8%, xu hướng giảm vẫn xuất hiện đối với ngành chế biến, chế tạo, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm trước và ngành khai khoáng giảm 2,9%. Trong tháng 5, tốc độ tăng của chỉ số IIP so với tháng trước tại một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn, giao động trong khoảng từ 1% – 3,3%, trong đó tăng cao hơn 3% là Thái Nguyên, Hải Dương. Bên cạnh đó, nhiều tỉnh thành vẫn có diễn biến giảm như Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu,...

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, hoạt động sản xuất công nghiệp trong cả nước vẫn chưa lấy lại đà tăng, IIP ước tính tiếp tục giảm 2% so với cùng kỳ năm trước¹. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo giảm 2,5%, làm giảm 1,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,8%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 3,5%, làm giảm 0,5 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm trong mức tăng chung. Trên cả nước, trong 5 tháng, chỉ số IIP đã tăng ở 49 địa phương và giảm ở 14 địa phương. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao². Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP tăng thấp hoặc giảm do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện giảm³.

Diễn biến IIP so với tháng trước (%)



Diễn biến IIP so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành trọng điểm có chỉ số sản xuất 5 tháng giảm so với cùng kỳ năm trước, giao động từ 5,1% - 10,1%⁴ và một số nhóm ngành quan trọng có chỉ số sản xuất tăng, giao động từ 5,4% - 13%⁵.

¹ Tốc độ IIP 5 tháng đầu năm các năm 2018 – 2022 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 10,3%; 9,5%; 1,7%; 10%; 8,3%

² Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 5 tháng đầu năm 2023 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Gia Lai tăng 21,7%; Tuyên Quang tăng 18,6%; Bắc Giang tăng 15,9%; Phú Thọ tăng 15,3%; Hải Phòng tăng 13,4%; Nam Định tăng 13,3%; Kiên Giang tăng 13,1%; Phú Yên tăng 12,3%; Hậu Giang tăng 8,3%. Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao: Hậu Giang tăng 270,9%; Thái Bình tăng 63,3%; Nam Định tăng 12%

³ Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 5 tháng đầu năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm trước: Quảng Nam giảm 36,7%; Bắc Ninh giảm 19,1%; Vĩnh Long giảm 16,6%; Sóc Trăng giảm 16,5%; Đà Nẵng giảm 4,8%; Hòa Bình giảm 4,6%. Các địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện 5 tháng đầu năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm trước: Hà Giang giảm 33,4%; Lai Châu giảm 28,5%; Sơn La giảm 11,9%; Hòa Bình giảm 6,2%; Đà Nẵng giảm 2,7%. Địa phương có chỉ số sản xuất ngành khai khoáng 5 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước giảm: Vĩnh Long giảm 66,5%; Hà Giang giảm 27,5%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 9,1%; Sóc Trăng giảm 6%

⁴ Sản xuất xe có động cơ giảm 10,1%; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy giảm 8,5%; sản xuất trang phục giảm 8,3%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 5,9%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ giảm 5,8%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 5,6%; sản xuất kim loại giảm 5,5%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 5,1%

⁵ Khai thác quặng kim loại tăng 13%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 12,7%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 8,6%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 8,1%; sản xuất đồ uống tăng 6,5%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 6,3%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 5,4%

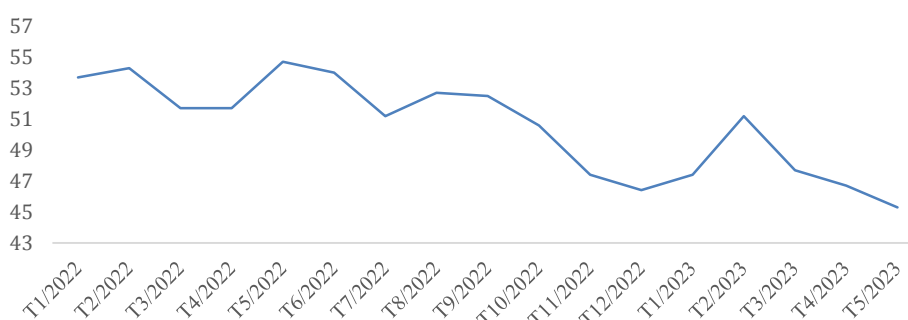
Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/5/2023 tăng 0,8% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 4,8% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước không đổi so với tháng trước và giảm 1,8%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,4% và giảm 2,9%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 1,1% và giảm 5,9%.

Lĩnh vực sản xuất tiếp tục thu hẹp tháng thứ ba liên tiếp

Trong tháng 5/2023, các điều kiện sản xuất kinh doanh tiếp tục suy yếu, chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam đã giảm xuống mức 45,3 điểm từ mức 46,7 điểm của tháng trước – mức cải thiện ở mức thấp đáng kể trong gần 2 năm qua, diễn biến suy giảm tiếp tục xuất hiện trên các cấu phần chính:

- + Sản lượng đã giảm liên tục trong ba tháng với tốc độ nhanh nhất kể từ đầu năm. Sản lượng sản xuất ghi nhận giảm mạnh nhất là sản lượng trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa trung gian.
 - + Số lượng đơn đặt hàng mới đã giảm nhanh thành mức giảm lớn nhất trong vòng 20 tháng, đáng chú ý là đơn hàng xuất khẩu đã giảm tháng thứ ba liên tiếp.
 - + Việc làm tiếp tục giảm trong tháng 5 do một số doanh nghiệp giảm lao động khi khối lượng công việc sản xuất giảm và do lao động nghỉ việc tự nguyện. Mặc dù vậy mức giảm đã thấp hơn so với tháng trước.
 - + Hoạt động mua hàng cũng giảm với tốc độ đáng kể và cũng kéo dài trong ba tháng. Từ đó tồn kho mua hàng cũng giảm với mức độ giảm lớn nhất trong gần hai năm.
 - + Niềm tin kinh doanh tiếp tục suy giảm về mức yếu nhất kể từ tháng 11 năm ngoái. Sự yếu kém của nhu cầu đã ảnh hưởng mạnh đến niềm tin kinh doanh.
- Tín hiệu tích cực duy nhất trong tháng đó là chi phí đầu vào đã giảm lần đầu tiên trong ba năm qua sẽ tạo điều kiện để nhà sản xuất giảm giá bán để kích hoạt nhu cầu.

Diễn biến chỉ số PMI



Nguồn: Nikkei

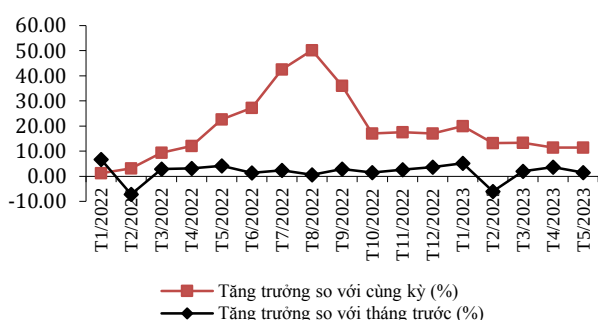
Tổng mức bán lẻ hàng hóa có mức tăng theo tháng thấp hơn so với tháng trước

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 5 ước đạt 519 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước⁶, trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 409,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 54,9 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, tăng 40,3% và cuối cùng là doanh thu dịch vụ khác đạt 52,3 nghìn tỷ đồng, tăng 14,6%.

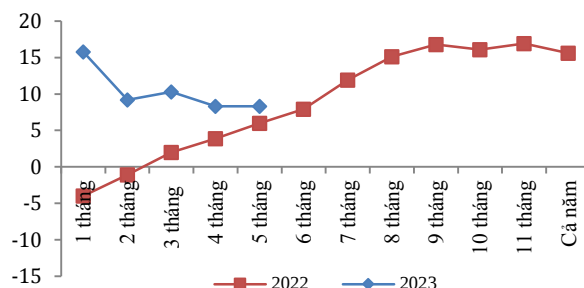
⁶ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4/2023 đạt 511,5 nghìn tỷ đồng, tăng 3,8% so với tháng trước và tăng 11,7% so với cùng kỳ năm trước

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 2.527,1 nghìn tỷ đồng, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước – cao hơn mức tăng 9,3% của cùng thời điểm năm 2022 và là mức tăng trong 5 tháng cao nhất trong 10 năm qua. Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,3%⁷. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 1.993,6 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 78,9% tổng mức. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 268,3 nghìn tỷ đồng, tăng 22,1% và chiếm 10,6%; doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 11,6 nghìn tỷ đồng, tăng 89,4% do trong tháng có nhiều ngày nghỉ lễ và chiếm 0,5%. Cuối cùng, doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 253,6 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8% và chiếm 10%.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (so với cùng kỳ)



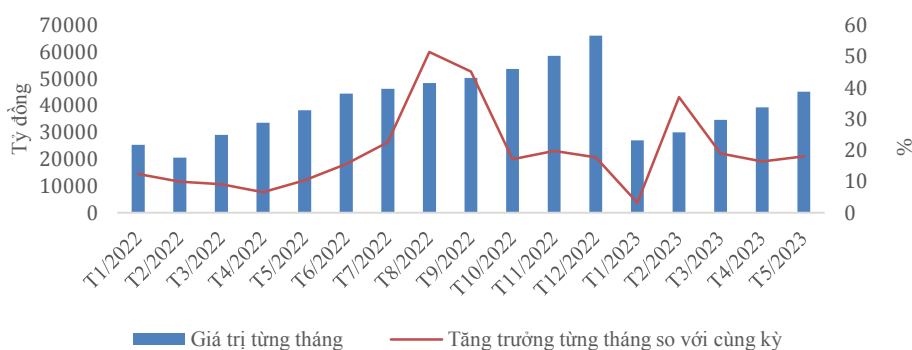
Nguồn: TCTK

Giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 5 ước tính đạt 45,1 nghìn tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước - trong đó, vốn Trung ương quản lý 8,8 nghìn tỷ đồng, tăng 28,4%; vốn địa phương quản lý 36,3 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 177 nghìn tỷ đồng, bằng 25,5% kế hoạch năm và tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước⁸. Trong đó, vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý đạt 33,6 nghìn tỷ đồng, bằng 25,3% kế hoạch năm và tăng 30,2% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 143,4 nghìn tỷ đồng, bằng 25,6% kế hoạch năm và tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước.

Diễn biến vốn đầu tư từ NSNN



Nguồn: TCTK

⁷ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 5 tháng đầu năm 2022 loại trừ yếu tố giá tăng 6%

⁸ Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước cùng kỳ năm 2022 bằng 24,9% và tăng 10,8%

Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tiếp tục giảm

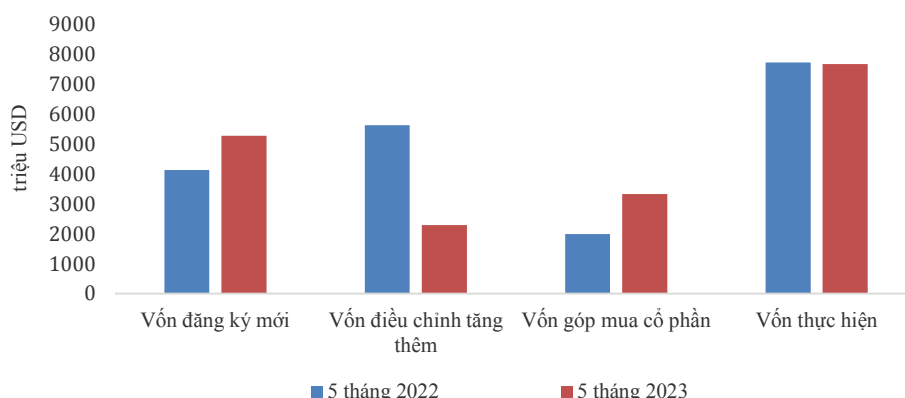
Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/5/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 10,86 tỷ USD, giảm 7,3% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do vốn đăng ký điều chỉnh giảm 59,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, vốn đăng ký cấp mới đã có 962 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 5,26 tỷ USD, tăng 66,4% về số dự án và tăng 27,8% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.278 lượt với tổng giá trị góp vốn 3,32 tỷ USD, tăng 67,2% so cùng kỳ năm trước.

Trong số 53 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 5 tháng vừa qua, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 1,73 tỷ USD, chiếm 32,9% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Trung Quốc với 1,09 tỷ USD, chiếm 20,6%; Hồng Kông là 552,3 triệu USD, chiếm 10,5%; Đài Loan 499,9 triệu USD, chiếm 9,5%; Nhật Bản 317,7 triệu USD, chiếm 6%.

Vốn FDI thực hiện giảm so với cùng kỳ

Trong 5 tháng đầu năm, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện ước tính đạt 7,65 tỷ USD, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,25 tỷ USD, chiếm 81,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 546,6 triệu USD, chiếm 7,1%; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 368,3 triệu USD, chiếm 4,8%.

Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 5 tháng 2022 và 5 tháng 2023



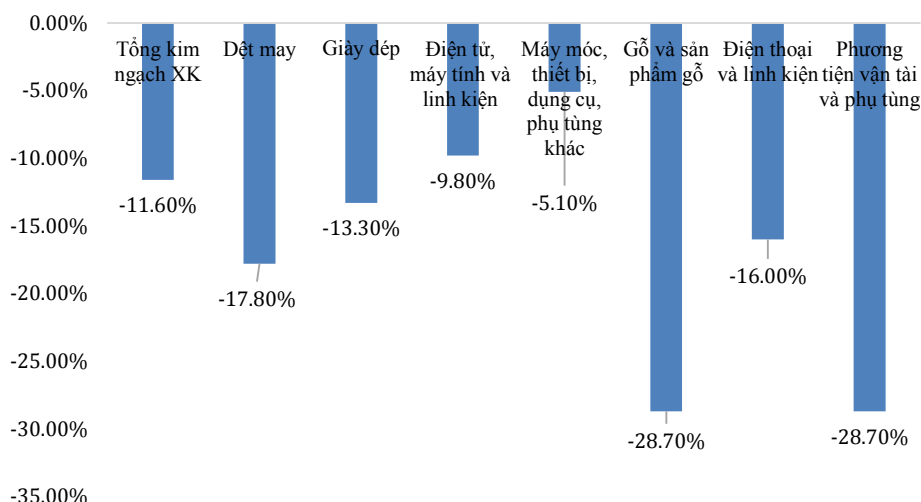
Nguồn: TCTK

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đã tăng trở lại so với tháng trước nhưng vẫn có xu hướng giảm so với cùng kỳ

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 5 ước đạt 29,05 tỷ USD, tăng 4,3% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 7,79 tỷ USD, tăng 1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 21,26 tỷ USD, tăng 5,5%. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giảm 5,9%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 5,9%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) giảm 5,8%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 136,17 tỷ USD, giảm 11,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 35,19 tỷ USD, giảm 13,2%, chiếm 25,8% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 100,98 tỷ USD, giảm 11,1%, chiếm 74,2%. Trong đó, có 23 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 87,4% tổng kim ngạch xuất khẩu, có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 65,4%.

**Diễn biến kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng
5 tháng đầu năm 2023**

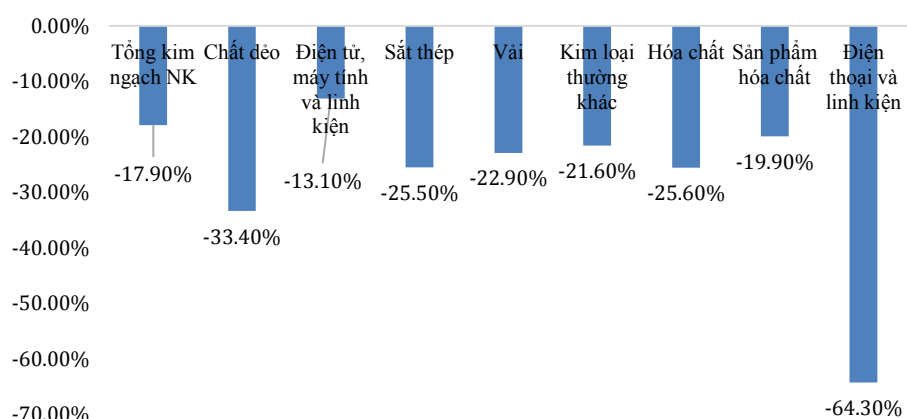


Nguồn: TCTK

Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 5/2023 ước đạt 26,81 tỷ USD, tăng 6,4% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,31 tỷ USD, tăng 3,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 17,5 tỷ USD, tăng 7,8%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa giảm 18,4%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 24,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 14,7%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 126,37 tỷ USD, giảm 17,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 43,95 tỷ USD, giảm 18,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 82,42 tỷ USD, giảm 17,5%. Trong đó, có 24 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 81,2% tổng kim ngạch nhập khẩu, có 3 mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 41,6%.

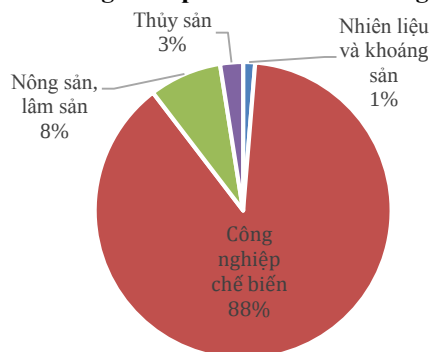
**Diễn biến kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng
5 tháng đầu năm 2023**



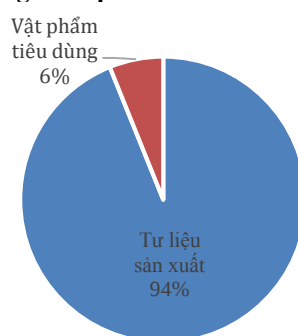
Nguồn: TCTK

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 5 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 37,2 tỷ USD. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 43,4 tỷ USD.

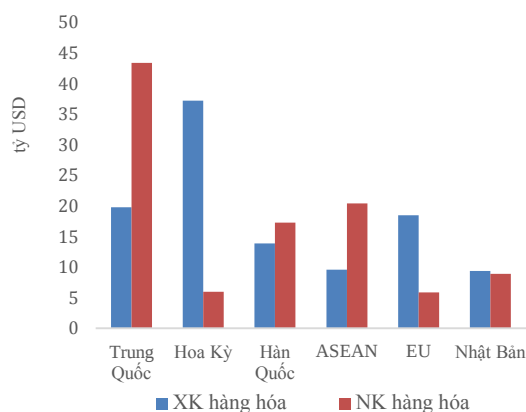
**Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu
5 tháng 2023 phân theo nhóm hàng**



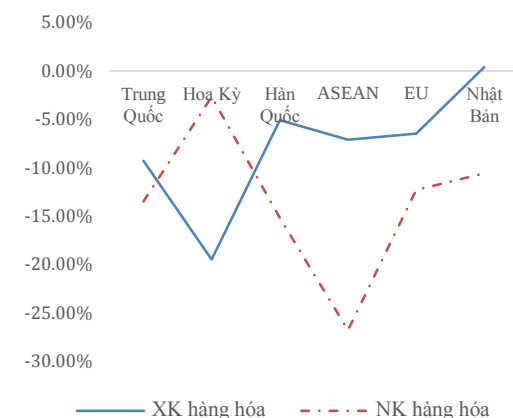
**Cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu
5 tháng 2023 phân theo nhóm hàng**



Kim ngạch XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước trong 5 tháng 2023



Tốc độ tăng trưởng XNK hàng hóa so với cùng kỳ năm trước trong 5 tháng 2023

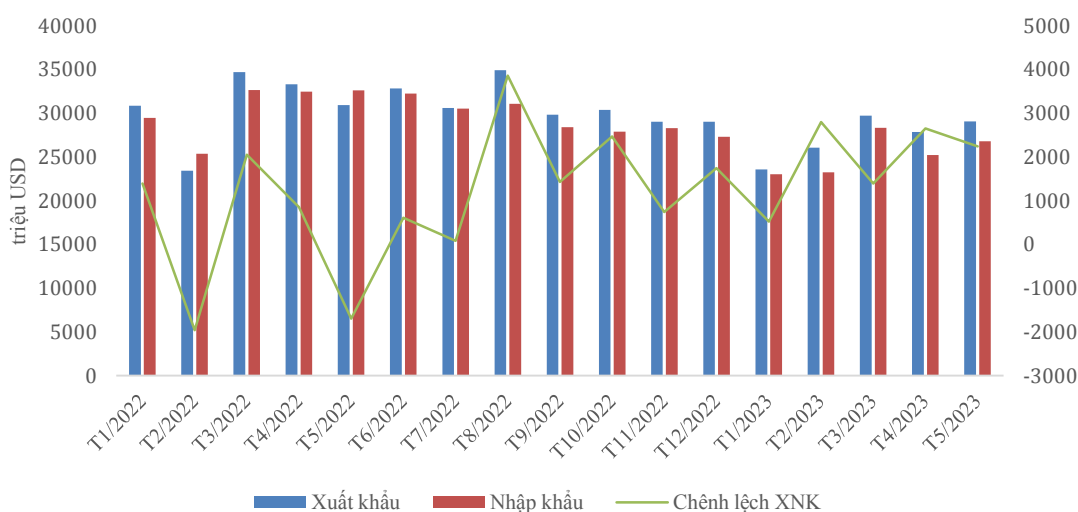


Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại ước tính xuất siêu trong tháng 5

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 5 ước tính xuất siêu 2,24 tỷ USD. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 9,8 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 0,24 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 8,76 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 18,56 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2022 – 2023)



Nguồn: TCTK

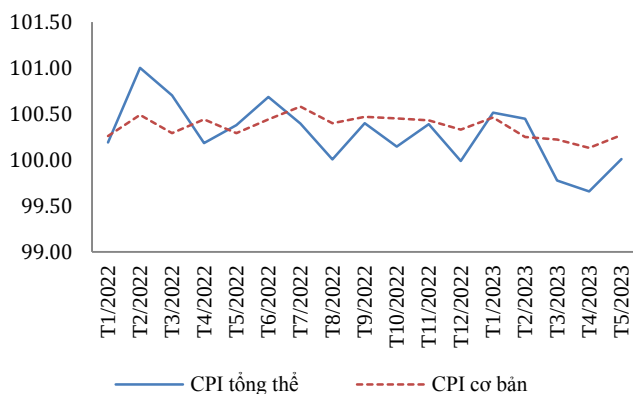
Trong 5 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất siêu sang Mỹ ước đạt 31,2 tỷ USD, giảm 22% so với cùng kỳ năm trước; xuất siêu sang EU 12,6 tỷ USD, giảm 3,6%; xuất siêu sang Nhật Bản 521 triệu USD (cùng kỳ nhập siêu 564 triệu USD). Ngược lại, nhập siêu từ Trung Quốc 23,6 tỷ USD, giảm 16,7%; nhập siêu từ Hàn Quốc 10,8 tỷ USD, giảm 38,3%; nhập siêu từ ASEAN 3,4 tỷ USD, giảm 41,3%.

2. Lạm phát

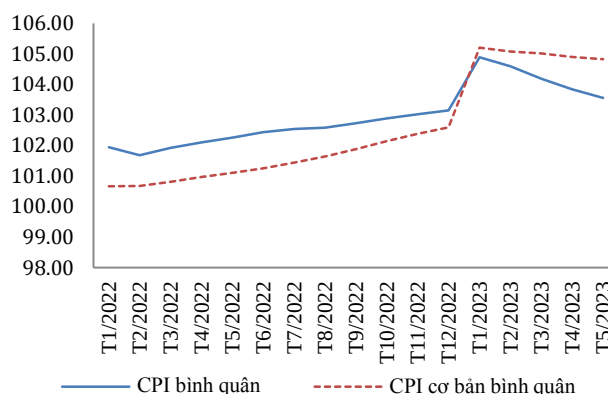
Chỉ số giá tiêu dùng tăng nhẹ

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5/2023 tăng 0,01% so với tháng trước, tăng 2,43% so với cùng kỳ năm trước, CPI bình quân 5 tháng tăng 3,55% so với bình quân cùng kỳ năm trước - cao hơn mức tăng 2,25% của cùng thời điểm năm trước. Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản tăng 0,27% so với tháng trước và tăng 4,54% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 5 tháng tăng 4,83% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

CPI so với tháng trước (%)



CPI bình quân so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

Trong tháng 5, có 08/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có chỉ số giá tăng so với tháng trước với những diễn biến đáng chú ý như sau:

- CPI nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng mạnh nhất với 1,01% chủ yếu do nhu cầu sử dụng điện của người dân tăng lên; giá gas tăng 0,31% do từ ngày 01/5/2023, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 2.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 5 USD/tấn (từ mức 550 USD/tấn lên mức 555 USD/tấn).
- CPI nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,24% so với tháng trước, trong đó giá dịch vụ du lịch trọn gói tăng 0,67%; nhà khách, khách sạn tăng 0,38% do trong tháng có kỳ nghỉ lễ kéo dài nên nhu cầu đi du lịch tăng cao.
- CPI nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,24%, làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm, trong đó, lương thực tăng 0,29%⁹, làm CPI chung tăng 0,01 điểm phần trăm; thực phẩm tăng 0,22%¹⁰, làm CPI chung tăng 0,05 điểm phần trăm; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,26%¹¹ tác động làm CPI tăng 0,02 điểm phần trăm.
- CPI nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,23%, tập trung chủ yếu ở mặt hàng đồ dùng cá nhân tăng 0,46%; hàng chăm sóc cơ thể tăng 0,33%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 0,29%; dịch vụ hiếu hỉ tăng 0,22%.

⁹ Chỉ số nhóm gạo tăng 0,27% (gạo tẻ thường tăng 0,28%; gạo tẻ ngon tăng 0,23%; gạo nếp tăng 0,2%) do giá gạo xuất khẩu tiếp tục ở mức cao. Bên cạnh đó, giá các mặt hàng lương thực chế biến khác như giá mì sợi, mỳ, phở, cháo ăn liền tăng 0,53% so với tháng trước; bột mì tăng 0,48%; bột ngô tăng 0,25% và bánh mì tăng 0,37%.

¹⁰ Giá thịt lợn tăng 1,32% do nhu cầu ăn uống của người dân tăng trong dịp nghỉ lễ 30/4-1/5; giá thịt bò tăng 0,04%; giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tăng 0,87%; giá dầu mỡ ăn và chất béo khác tăng 0,09%.

¹¹ Giá uống ngoài gia đình tăng 0,83%; giá ăn ngoài gia đình tăng 0,18%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,26%.

- CPI nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,16%, trong đó, giá điều hòa nhiệt độ tăng 0,61%; giá quạt điện tăng 0,41%; máy đánh trứng, trộn đa năng tăng 0,87%; máy xay sinh tố, máy ép hoa quả tăng 0,01% và thiết bị gia đình lớn có động cơ tăng 0,2%.

- CPI nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,13%, trong đó, giá nước khoáng tăng 0,16%; nước giải khát có ga tăng 0,14%; nước quả ép tăng 0,47%. Rượu các loại tăng 0,13%; bia các loại tăng 0,21% và thuốc hút tăng 0,02%.

- CPI nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,1% do nhu cầu về mũ nón, giày dép và dịch vụ may mặc tăng. Trong đó, giá quần áo may sẵn tăng 0,08%; mũ nón tăng 0,31%; giày dép tăng 0,11%; dịch vụ may mặc tăng 0,26% và dịch vụ giày dép tăng 0,27%.

- CPI nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,04%, chủ yếu tăng giá một số loại thuốc cảm cúm và vitamin.

Trong tháng, có 03/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có chỉ số giá giảm so với tháng trước:

- CPI nhóm giáo dục giảm 0,1%, tác động làm CPI chung giảm 0,01 điểm phần trăm do một số địa phương đã điều chỉnh giảm mức học phí.

- CPI nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,17% do giá phụ kiện điện thoại thông minh giảm.

- CPI nhóm giao thông giảm 2,98%, tác động làm CPI chung giảm 0,29 điểm phần trăm, chủ yếu do giá xăng trong nước giảm 7,83% tác động làm CPI chung giảm 0,28 điểm phần trăm do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá¹²; giá nhóm phương tiện đi lại giảm 0,07%.

Một số VBPL chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 5 năm 2023

Công văn số 2588/BCT-TTTN ngày 04/5/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 1.251 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 1.319 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 1.143 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 952 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 334 đồng/kg.

Công văn số 2789/BCT-TTTN ngày 11/5/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 1.306 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 1.320 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 601 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 556 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 647 đồng/kg.

Công văn số 3080/BCT-TTTN ngày 22/5/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 357 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 499 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 301 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 3 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 296 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

**Thu
NSNN
đang có**

Tính chung 5 tháng, tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 769,6 nghìn tỷ đồng, bằng 47,5% dự toán năm và giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa đạt

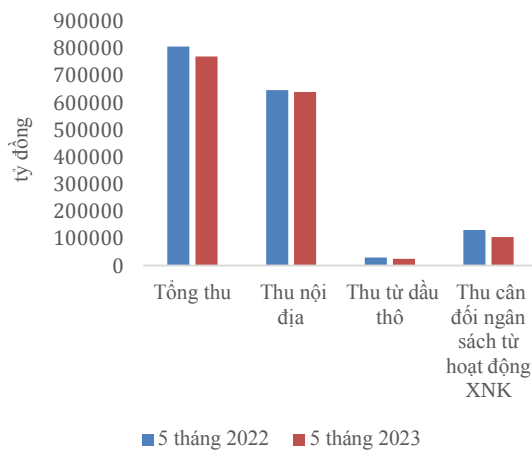
¹² ngày 04/5, 11/5 và 22/5/2023

xu hướng giảm, chi đầu tư phát triển được đẩy mạnh

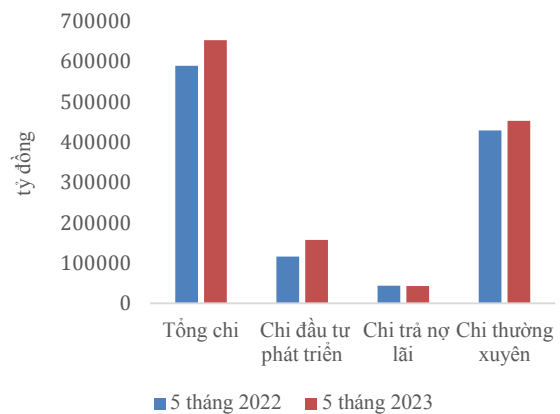
638,7 nghìn tỷ đồng, bằng 47,9% dự toán năm và giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước; thu từ dầu thô đạt 25,6 nghìn tỷ đồng, bằng 61% dự toán năm và giảm 12,1%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 105,3 nghìn tỷ đồng, bằng 44% dự toán năm và giảm 20%.

Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước lũy kế từ đầu năm ước đạt 653,1 nghìn tỷ đồng, bằng 31,5% dự toán năm và tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 452,4 nghìn tỷ đồng, bằng 38,6% dự toán năm và tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 157,1 nghìn tỷ đồng, bằng 21,6% và tăng 35,5%; chi trả nợ lãi 43 nghìn tỷ đồng, bằng 41,8% và giảm 1,3%.

Thu NSNN 5 tháng 2022 và 5 tháng 2023



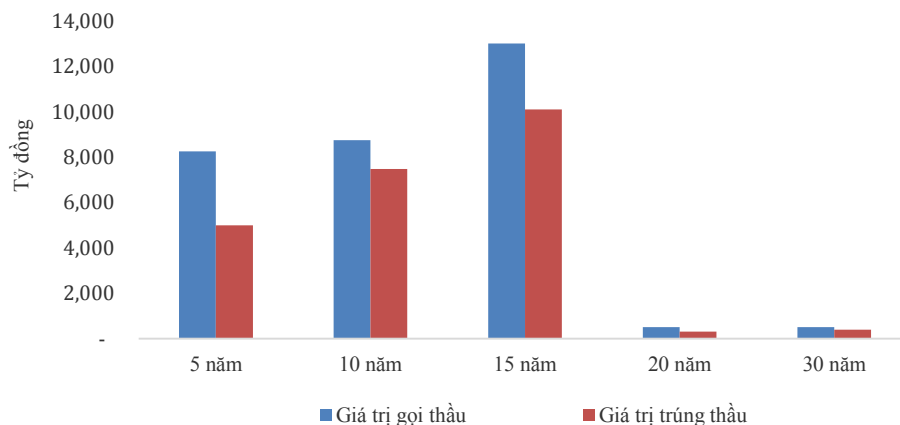
Chi NSNN 5 tháng 2022 và 5 tháng 2023



Nguồn: TCTK

Tháng 5/2023, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 23.269 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 31.000 tỷ đồng, đạt tỷ lệ hơn 75% - thấp hơn của tháng trước. Tỷ lệ trúng thầu cao tập trung ở kỳ hạn 10 năm và 15 năm.

Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn trong tháng 5 năm 2023



Nguồn: hnx.vn

Kết thúc tháng 5, lãi suất trúng thầu của trái phiếu Chính phủ đã giảm trong khoảng 0,15 – 0,26 điểm phần trăm so với cuối tháng trước. Hiện lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm trong khoảng 2,4% – 2,65%/năm, kỳ hạn 10 năm trong khoảng 2,95% – 3,12%/năm, kỳ hạn 15 năm trong khoảng 3,05% – 3,25%/năm, kỳ hạn 20 năm là 3,19%/năm và kỳ hạn 30 năm là 3,4%/năm.

**Một số VBPL chính sách quan trọng về quản lý ngân sách, vốn được ban hành
trong tháng 5 năm 2023**

Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài

1. Thủ tướng Chính phủ không còn thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư Dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư, thay vào đó, những cơ quan sau sẽ có thẩm quyền:

Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư do cơ quan, tổ chức mình quản lý.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý.

2. Nhà thầu tham dự quan tâm, tham dự sơ tuyển phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển.

Trường hợp đã lựa chọn danh sách ngắn nhưng điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi của dự án không được ký kết, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo cho các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn việc không tiếp tục tổ chức đấu thầu.

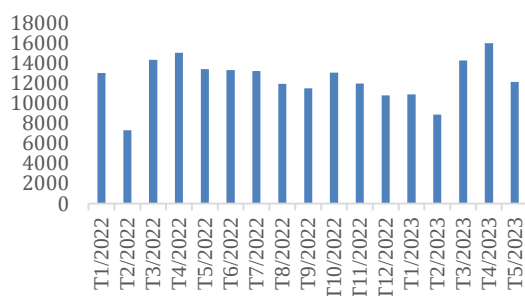
3. Chủ đầu tư chỉ được phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu sau khi điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi của dự án được ký kết.

4. Tình hình doanh nghiệp

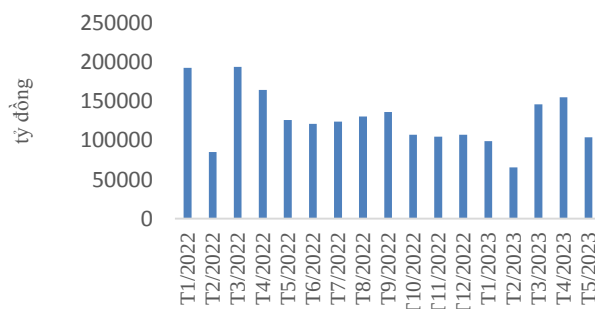
Trong tháng 5, cả nước có hơn 12 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 103,7 nghìn tỷ đồng, giảm 24,2% về số doanh nghiệp, giảm 32,9% về vốn đăng ký so với tháng trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 8,6 tỷ đồng, giảm 11,5% so với tháng trước và giảm 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trên cả nước còn có 5.952 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 38,1% so với tháng trước và tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, cả nước có hơn 61,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 568,7 nghìn tỷ đồng, giảm 1,6% về số doanh nghiệp, giảm 25,3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,2 tỷ đồng, giảm 24,1% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có gần 33 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp thành lập mới



Vốn đăng ký kinh doanh mới

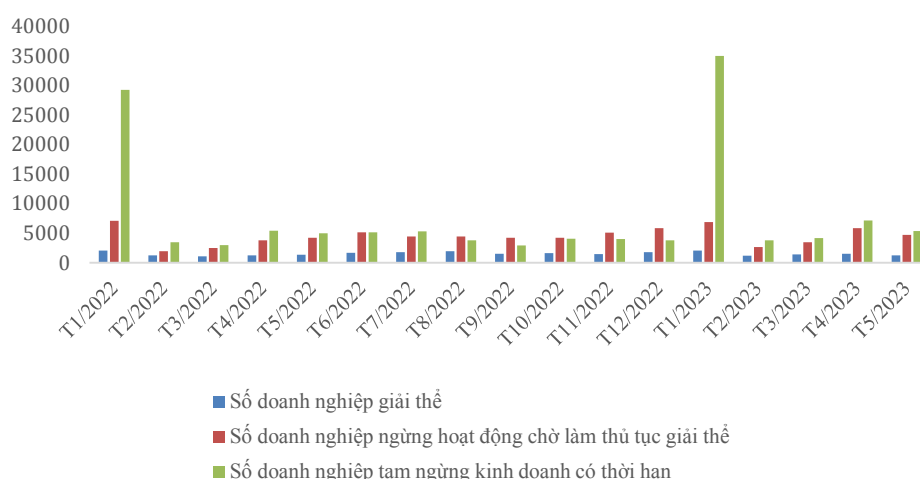


Nguồn: TCTK

Trong tháng 5, trên cả nước có 5.364 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 25,1% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước; có 4.717 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 19,2% và tăng 12,7%; có 1.223 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 19% và giảm 8,7%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 55,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 20,3% so với cùng kỳ năm trước; 25,5 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 34,1%; 7,3 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 6,5%.

Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn



Nguồn: TCTK

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong tháng 5 năm 2023

Nghị định số 23/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

1. Tổ chức kinh tế chỉ hoạt động sau khi được NHNN chi nhánh tỉnh biên giới cấp GCN đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới. 04 điều kiện để tổ chức kinh tế được NHNN chi nhánh tỉnh biên giới xem xét cấp Giấy chứng nhận:

- Điều kiện về trụ sở chính, chi nhánh: Có trụ sở chính tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh biên giới; Có trụ sở chính tại tỉnh biên giới và chi nhánh tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn một tỉnh biên giới;...
- Điều kiện về địa điểm đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới: Có địa điểm đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế có trụ sở chính hoặc chi nhánh.
- Một tổ chức kinh tế chỉ được làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới cho một tổ chức tín dụng ủy quyền...

2. Cá nhân không thực hiện đúng trách nhiệm của đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới bị phạt đến 50 triệu đồng. Người vi phạm sẽ bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới trong thời hạn từ 01 - 03 tháng.

Bên cạnh đó, hành vi không thực hiện đúng trách nhiệm của đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới trong trường hợp tái phạm thì bị phạt đến 100 triệu đồng.

Quyết định số 486/QĐ-TTg ngày 10/5/2023 về mức lãi suất cho vay ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã

hội áp dụng đối với các khoản vay có dư nợ để mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng hoặc cải tạo sửa chữa nhà ở

Cụ thể, áp dụng mức lãi suất cho vay ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội là 4,8%/năm đối với các khoản vay có dư nợ để mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa nhà ở theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.

Quyết định số 950/QĐ-NHNN ngày 23/5/2023 về lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Quyết định số 951/QĐ-NHNN ngày 23/5/2023 về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam (VND) của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014

Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 23/5/2023 về tăng cường công tác tín dụng và triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

NHNN tiếp tục giảm lãi suất điều hành

NHNN tiếp tục điều chỉnh giảm thêm 0,5 điểm phần trăm đối với một số lãi suất điều hành vào ngày 23/5. Theo đó, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với TCTD giảm xuống 5,5%/năm; lãi suất tái cấp vốn giảm xuống 5%/năm. Lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 – dưới 6 tháng giảm xuống 5%/năm, lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND tại Quỹ TDND, Tổ chức tài chính vi mô giảm xuống 5,5%/năm.

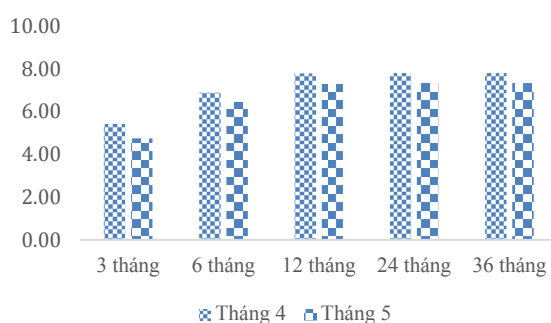
Lãi suất huy động bình quân tiếp tục giảm trong toàn hệ thống

Lãi suất huy động bình quân trong nền kinh tế tiếp tục giảm trong toàn hệ thống NHTM trong tháng 5 ở tất cả các kỳ hạn, giảm mạnh ở kỳ hạn huy động từ 1 – dưới 6 tháng, với mức giảm bình quân là 0,67 điểm phần trăm trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước và 0,5 điểm phần trăm trong khối NHTM CP.

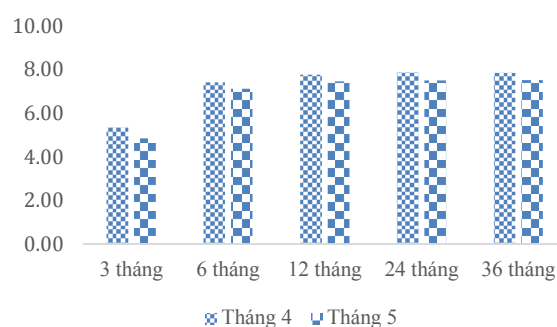
Trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước, lãi suất huy động đã được điều chỉnh giảm ở tất cả các ngân hàng, trong đó diễn biến giảm đã xuất hiện ở tất cả các kỳ hạn huy động tại 04 NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước lớn – diễn biến giảm đồng loạt lần thứ hai kể từ đầu năm. Cụ thể, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng đã giảm 0,8 điểm phần trăm so với tháng trước; giảm giao động từ 0,3 – 0,6 điểm phần trăm đối với kỳ hạn từ 6 tháng trở lên. Trong khi đó, lãi suất huy động cũng được điều chỉnh giảm tại một số kỳ hạn huy động trong nhóm các ngân hàng TNHH MTV với mức giảm giao động từ 0,3 – 1,5 điểm phần trăm so với tháng trước. Kết thúc tháng, lãi suất huy động kỳ hạn 3 – 6 tháng trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước, giao động trong khoảng 4,6% – 7,8%/năm; kỳ hạn huy động từ 12 tháng trở lên giao động trong khoảng 6,6% – 8,2%/năm.

Trong khối NHTM CP, xu hướng giảm đã xuất hiện trên tất cả các kỳ hạn huy động và diễn ra trên 27 ngân hàng khảo sát. Lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng được điều chỉnh giảm giao động từ 0,2 – 1 điểm phần trăm, lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng trở lên điều chỉnh giảm từ 0,1 – 1,1 điểm phần trăm. Kết thúc tháng, mức lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng giao động trong khoảng 4,3% – 5%/năm; lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng trở lên, giao động từ 6,2% – 8,5%/năm.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Nhà nước (%)



Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần (%)



Nguồn: tổng hợp

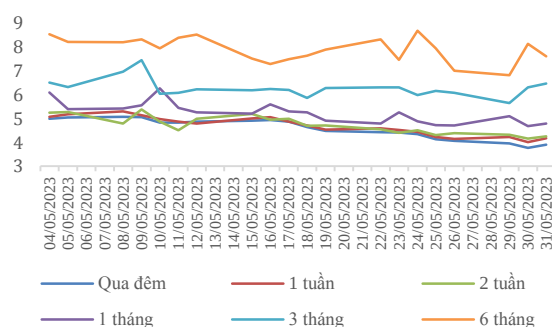
Hiện lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,5%/năm. Lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3 – 6%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3 – 4,5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,2 – 6%/năm.

Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn đã giảm so với tháng trước

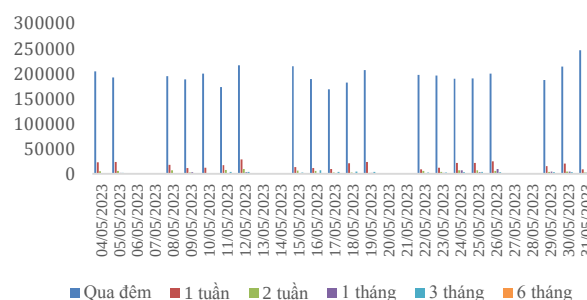
Lãi suất liên ngân hàng trong tháng 5 đã có diễn biến trái chiều so với tháng trước. Cụ thể, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn đã giảm trong khi lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn dài từ 6 tháng trở lên đã có diễn biến tăng (tăng 0,17 điểm phần trăm đối với kỳ hạn 6 tháng và 0,14 điểm phần trăm đối với kỳ hạn 12 tháng). Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn (qua đêm – 2 tuần) đã giảm nhẹ so với mức tăng khá mạnh của tháng trước, lần lượt giảm 0,22; 0,48; 0,87 điểm phần trăm. Diễn biến giảm diễn ra mạnh mẽ trong 02 tuần giao dịch cuối tháng, rõ nét nhất đối với kỳ hạn giao dịch qua đêm. Bên cạnh đó, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 1 – 3 tháng cũng có diễn biến giảm, lần lượt là 0,94 và 0,13 điểm phần trăm.

Kết thúc tháng 5, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn giao dịch lần lượt là 3,9%/năm; 4,17%/năm và 4,26%/năm; lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn từ 1 tháng trở lên, giao dịch lần lượt là 4,79%/năm; 6,47%/năm; 7,62%/năm và 8,76%/năm.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng (%)



Doanh số giao dịch liên ngân hàng (tỷ đồng)



Nguồn: NHNN

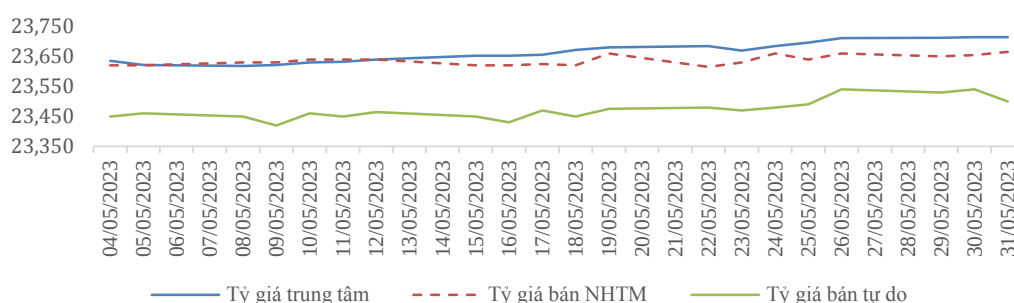
Tỷ giá có xu hướng tăng khi đồng USD mạnh lên

Trong tháng 5, tỷ giá trung tâm và tỷ giá giao dịch trên các thị trường có xu hướng tăng. Tỷ giá trung tâm đã tăng tháng thứ hai liên tiếp, tăng 0,32% so với cuối tháng trước, tương ứng tăng 75 VND. Tỷ giá trung tâm sau khi được điều chỉnh giảm liên tục trong 03 ngày giao dịch đầu tháng đã có diễn biến tăng là chủ yếu, giao động trong khoảng 0,01 – 0,06%/ngày giao dịch, kết thúc tháng niêm yết ở mức 23.714 USD/VND. Trong khi đó, tỷ giá mua và bán tham khảo trên Sở giao dịch NHNN đã có diễn biến trái chiều. Cụ thể, tỷ giá mua được điều chỉnh giảm duy nhất 0,21% vào

ngày 18/5 xuống mức 23.400 USD/VND và duy trì cho đến hết tháng và tỷ giá bán có diễn biến tương đồng với tỷ giá trung tâm, cùng tăng 0,32% vào cuối tháng, niêm yết ở mức 24.849 USD/VND.

Trên thị trường, tỷ giá giao dịch tại Vietcombank tăng 0,15% ở cả 02 chiều mua – bán. Trong tháng, tỷ giá giao dịch tại Vietcombank có diễn biến tăng, giảm đan xen, giao động trong khoảng từ 0,02% – 0,19%/ngày giao dịch, đồng thời cũng có nhiều ngày giao dịch có diễn biến đi ngang. Trên thị trường tự do, tỷ giá giao dịch cũng đã tăng trở lại sau ba tháng giảm liên tiếp, tỷ giá bán có xu hướng tăng nhanh hơn tỷ giá mua. Theo số liệu khảo sát, tỷ giá bán giao dịch trên thị trường tự do đã tăng 0,09%. Diễn biến tăng xuất hiện đan xen, giao động trong khoảng từ 0,04 – 0,43%/ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do vào thời điểm khảo sát cuối tháng là 23.420 – 23.500 USD/VND (mua vào – bán ra). Trong khi tỷ giá niêm yết tại Vietcombank là 23.325 – 23.665 USD/VND (mua vào – bán ra).

Diễn biến tỷ giá VND/USD

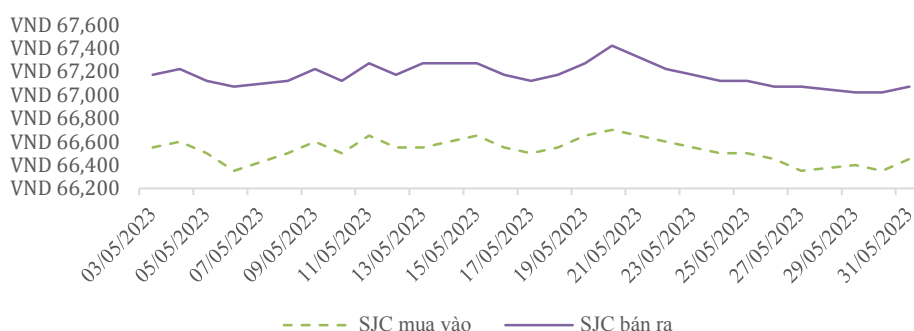


Nguồn: NHNN

Giá vàng trong nước tiếp tục giảm theo giá vàng thế giới

Tháng 5 tiếp tục chứng kiến giá vàng trong nước có kết thúc cùng chiều với giá vàng thế giới. Theo số liệu khảo sát, giá vàng SJC mua vào và bán ra đều giảm lớn hơn 0,2% so với tháng trước. Tuy nhiên mức giảm này có khoảng cách nhất định so với mức giảm trên 1,3% của giá vàng thế giới. Giá vàng SJC giao dịch trên thị trường có diễn biến tăng, giảm đan xen, biến động trong khoảng 0,07 – 0,3%/ngày giao dịch. Giá vàng SJC bán lẻ đã bám trụ mốc giá giao dịch trên 67 triệu đồng/lượng trong suốt cả tháng cho dù giá vàng quốc tế tăng, giảm qua các phiên. Trong khi đó, giá mua chủ yếu giao động trong khoảng 66,35 – 66,5 triệu đồng/lượng. Chênh lệch giá mua vào – bán ra giao động phổ biến 620.000 đồng/lượng. Kết thúc tháng 5, số liệu khảo sát cho thấy giá vàng SCJ giao dịch ở ngưỡng 66,45 – 67,07 triệu đồng/lượng. Hiện chênh lệch giá vàng trong nước và giá vàng thế giới khoảng 11 triệu đồng/lượng.

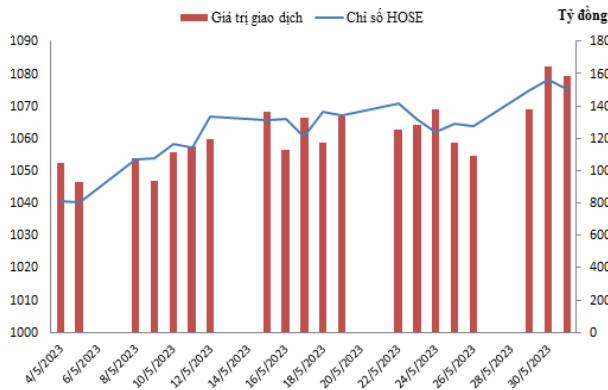
Diễn biến giá vàng trong nước



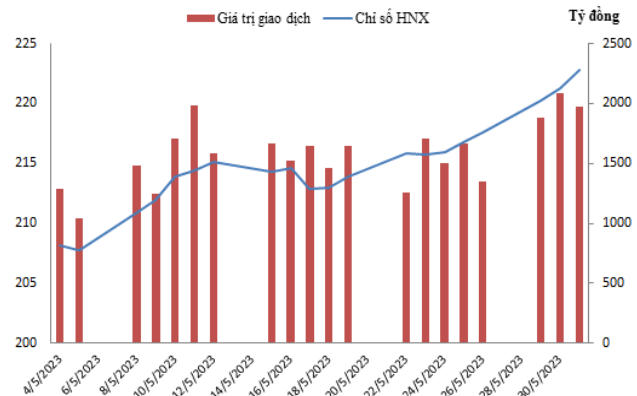
Nguồn: sjc.com.vn

Thị trường chứng khoán Việt Nam có diễn biến tốt hơn so với dự báo. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 5/2023, chỉ số VN-Index đạt 1.075,17 điểm, tăng 2,48% so với tháng 4/2023; chỉ số HNX-Index tăng 7,38% lên 222,81 điểm; chỉ số UPCoM-Index tăng 5,50% lên 82,05 điểm – kéo dài chuỗi tăng điểm từ tháng 11/2022. Một số ngành tăng điểm trong tháng trên sàn HOSE gồm năng lượng (+8,17%); công nghệ thông tin (+7,95%); công nghiệp (+7,10%)...

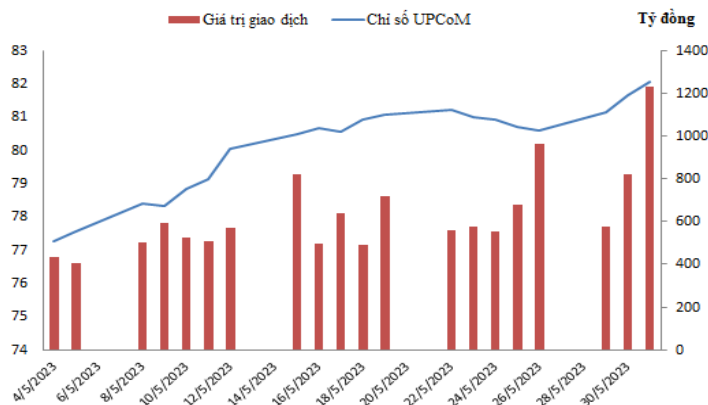
Diễn biến chỉ số HOSE tháng 5 năm 2023



Diễn biến chỉ số HNX tháng 5 năm 2023



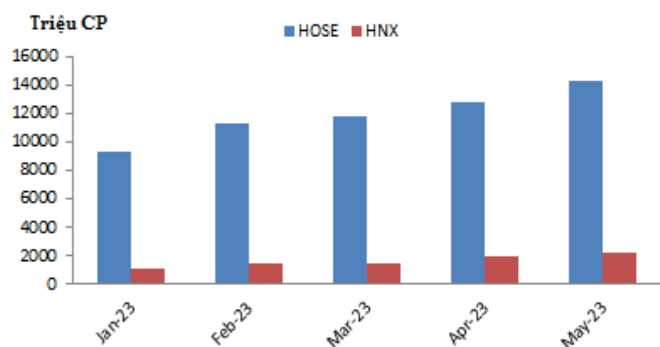
Diễn biến chỉ số UPCOM tháng 5 năm 2023



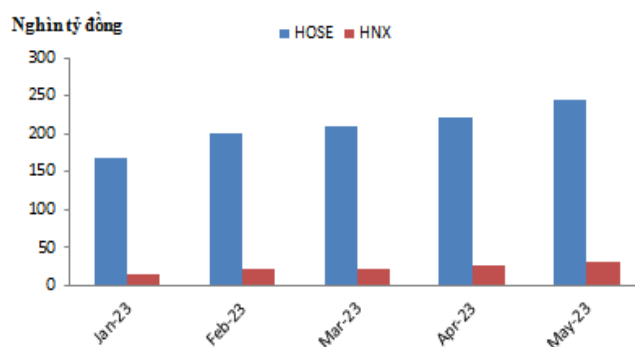
Nguồn: stockbiz.com

Thanh khoản thị trường cổ phiếu tháng 5 tiếp tục diễn biến sôi động, chủ yếu nhờ dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước. Tính chung trên cả 02 sàn giao dịch chính thức, tổng khối lượng giao dịch đạt 16,39 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch đạt 275,77 nghìn tỷ đồng, tương ứng tăng 11,21% và 10,6% so với tháng trước. Trong đó, trên sàn HOSE, khối lượng giao dịch đạt 14,22 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch đạt 244,05 nghìn tỷ đồng, tương ứng tăng 10,91% và 9,75% so với tháng 4/2023. Trên sàn HNX, khối lượng giao dịch đạt 2,17 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 31,72 nghìn tỷ đồng, tương ứng tăng 13,21% và 17,57%. Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất trên sàn HOSE gồm VND, SHB, DIG, VIX, SSI và trên sàn HNX là SHS, CEO.

Khối lượng giao dịch giai đoạn 1/2022 - 5/2023



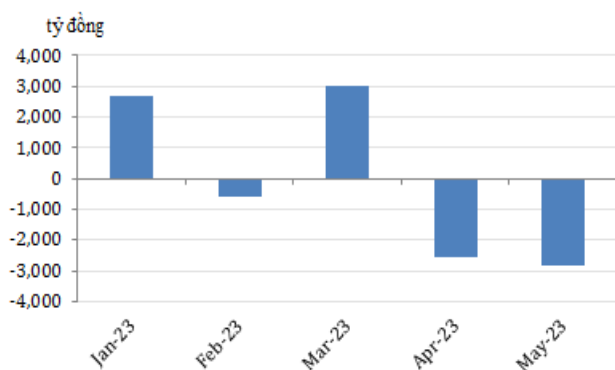
Giá trị giao dịch giai đoạn 1/2022 - 5/2023



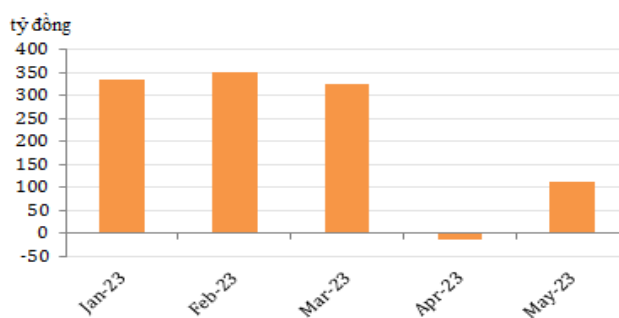
Nguồn: stockbiz.com

Khối ngoại tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng trong tháng 5 trên sàn HOSE, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng tháng thứ 2 liên tiếp với giá trị hơn 2.804,83 tỷ đồng. Trong khi đó, trên sàn HNX, nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại mua ròng với giá trị 112,65 tỷ đồng sau khi bán ròng trong tháng trước.

**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE
giai đoạn 1/2022 - 5/2023**



**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX
giai đoạn 1/2022 - 5/2023**

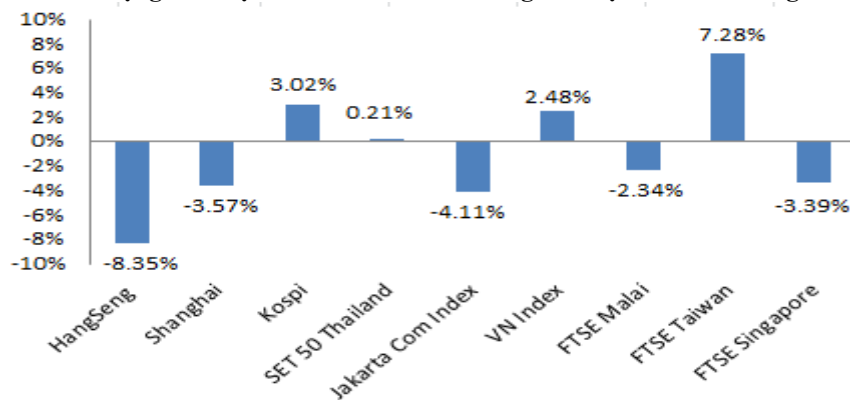


Nguồn: stockbiz.com

Tại thời điểm 31/5/2023, giá trị vốn hóa niêm yết trên sàn HOSE đạt 4,28 triệu tỷ đồng, tăng 2,47% so với tháng trước, tương đương 45,07% GDP năm 2022.

Kết thúc tháng 5, cùng với Hàn Quốc và Đài Loan, thị trường chứng khoán Việt Nam thuộc nhóm tăng trưởng tích cực trong khu vực.

Mức biến động của một số chỉ số chủ chốt trong khu vực Châu Á tháng 5/2023



Nguồn: Bloomberg